

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐÀO THỊ DƯƠNG

VẤN ĐỀ GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC
VĂN HÓA DÂN TỘC MƯỜNG
Ở TỈNH HÒA BÌNH HIỆN NAY

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60220301

LUẬN VĂN THẠC SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

T.S NGUYỄN THU NGHĨA

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận văn này là do tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn của T.S Nguyễn Thu Nghĩa. Các số liệu, tài liệu nêu trong luận văn là trung thực bảo đảm tính khách quan, khoa học.

Hòa Bình, ngày 14 tháng 07 năm 2016

NGƯỜI CAM ĐOAN

Đào Thị Dương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1	10
BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC MƯỜNG.....	10
1.1. Một số vấn đề lý luận về bản sắc văn hóa dân tộc, bản sắc văn hóa dân tộc Mường	10
1.2. Tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở nước ta hiện nay	35
Chương 2	41
GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC MƯỜNG Ở HÒA BÌNH HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	41
2.1. Điều kiện nảy sinh và tồn tại ảnh hưởng đến việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay	41
2.2. Thực trạng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay.....	46
2.3. Phương hướng và những giải pháp cơ bản đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình	63
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	77

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII của Đảng ta xác định, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nhiệm vụ cấp bách và lâu dài trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bước vào thời kì hội nhập đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh, vấn đề xây dựng nền văn hóa mới đáp ứng, yêu cầu phát triển chung của đất nước, hòa nhập với khu vực và quốc tế lại càng có ý nghĩa quan trọng.

Quá trình hội nhập quốc tế tạo ra nhiều cơ hội cho sự phát triển nhưng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với một quốc gia đa dân tộc như Việt Nam. Trước sự tác động của cơ chế thị trường, của hội nhập quốc tế sâu rộng và giao lưu văn hóa hiện nay, nhiều giá trị văn hóa dân tộc đang bị mai một, pha trộn, lai căng không còn giữ được bản sắc, do vậy, khẳng định giá trị văn hóa của các dân tộc đang là vấn đề vừa có tính thời sự cấp thiết, vừa mang ý nghĩa lâu dài đảm bảo cho quá trình hội nhập mà không bị hòa tan. Trong Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Đảng ta chủ trương, phải tiếp tục cụ thể bằng hệ thống các chính sách, tạo điều kiện cần thiết để văn hóa các dân tộc phát triển trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Nước ta có 54 dân tộc, mỗi dân tộc có những sắc thái cũng như bản sắc riêng. Chính những sắc thái và bản sắc riêng đó đã bổ sung cho nhau làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam và củng cố sự thống nhất dân tộc tạo nên nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng dân tộc. Dân tộc Mường là dân tộc có số dân đứng thứ 4 trong 54 dân tộc sau các dân tộc như Kinh, Tày, Thái. Họ cư trú trên địa bàn vùng đồi núi thấp thuộc các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa, Phú Thọ, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), riêng Hòa Bình người Mường chiếm 63,3% còn lại là các dân tộc khác như Kinh, Thái, Dao, Tày, Mông. Ngoài ra, ở Hòa Bình còn có dân tộc Hoa sống rải rác ở các địa phương trong tỉnh. Sự phong phú về cảnh quan, môi

trường đã tác động rất lớn đến đời sống của người Mường, làm nên một đời sống văn hóa khá phong phú như hội cồng chiêng, văn hóa trống đồng, các trường ca, văn hóa ăn, ở, mặc, các nghi lễ thờ cúng cùng với các loại hình văn hóa khác. Tuy nhiên, có một thực tế đáng buồn hiện nay, dưới tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường, ảnh hưởng từ mặt trái của nền văn hóa phương Tây, sự lợi dụng dân tộc và tôn giáo của các thế lực thù địch để phá hoại nền văn hóa dân tộc bản địa, nên nảy sinh lối sống thực dụng, hướng ngoại, phủ nhận văn hóa dân tộc. Sự chi phối của đồng tiền đã làm thay đổi nhiều quan niệm về giá trị văn hóa, làm văn hóa mai một dần theo thời gian, không còn giữ được những giá trị nguyên sơ như nó vốn có. Một điều đáng buồn hơn nữa là một số người trong chính những cộng đồng đã từ chối sự tồn tại của nó, đặc biệt là thế hệ trẻ của chính dân tộc đó. Đối với dân tộc Mường, có rất nhiều thanh niên hiện nay không biết và không muốn biết về tập quán của cha ông mình. Do vậy, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình mang tính thời sự cấp bách, nhằm góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của vấn đề, đóng góp vào mục tiêu giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của cả nước nói chung và văn hóa dân tộc Mường của tỉnh Hòa Bình nói riêng, tác giả chọn “*Vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở tỉnh Hòa Bình hiện nay*” làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Những công trình nghiên cứu về văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc

Vấn đề văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc đã được nhiều tác giả nghiên cứu ở những phạm vi và góc độ khác nhau.

Tác giả Đào Duy Anh trong “*Việt Nam Văn hóa sử cương*”, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2001 đã trình bày ba nội dung lớn là *sinh hoạt kinh tế, sinh hoạt chính trị xã hội, sinh hoạt tinh thần*. Phần tự luận nêu lên điều kiện địa lý của nước ta và những đặc trưng của văn hóa Việt Nam. Có thể nói cách trình bày lịch sử văn hóa của tác giả là theo các thành tố, các lĩnh vực văn hóa suốt từ thời cổ đại đến hiện đại, những nội dung nêu ra khá toàn diện giúp người đọc hình dung được diện mạo

của văn hóa dân tộc. Với *Việt Nam văn hóa sử cương*, Đào Duy Anh là tác giả đầu tiên khái quát một cách hệ thống các đặc tính của văn hóa Việt Nam như xã hội lấy gia tộc làm cơ sở văn hóa, lấy cảm tình làm bản vị. Theo ông, các đặc tính như tính tình ưa chuộng hòa bình, nhân sinh quan kiệntoàn và tính trường tồn trở thành bản sắc riêng của văn hóa Việt Nam.

Trần Ngọc Thêm với *“Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam”*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001 đã vẽ lên một bức tranh sinh động và tổng quát về văn hóa Việt Nam. Trong cuốn sách này, tác giả đề cập đến một số lĩnh vực văn hóa như: Văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và các vùng văn hóa Việt Nam.

Trong *“Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc”*, Nguyễn Khoa Điềm chủ biên, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2001, các tác giả phản ánh những nét chính yếu về tính tiên tiến của nền văn hóa mà Việt Nam đang xây dựng, về bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời đề xuất một số giải pháp và những kiến nghị để xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng đúng những yêu cầu của cuộc sống. Định hướng chiến lược cho sự nghiệp xây dựng, củng cố và tăng cường nền tảng tinh thần của xã hội, góp phần đưa Việt Nam phát triển và tiến bước vững chắc trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Phan Ngọc trong *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2002 đã trình bày một cách tiếp cận bản sắc văn hóa Việt Nam, vai trò của bản sắc văn hóa Việt Nam trong giao lưu hợp tác giữa Việt Nam với các nước. Cuốn sách cũng đề cập đến cách phát huy văn hóa trong cuộc tiếp xúc văn hóa hiện nay và làm rõ ưu thế văn hóa Việt Nam trong nền kinh tế thị trường.

Bản sắc văn hóa dân tộc của tác giả Hồ Bá Thâm, Nxb Văn hóa Thông tin, 2003 đề cập đến bản sắc văn hóa dân tộc, tư duy triết học trong văn hóa truyền thống.

Về phát triển văn hóa và xây dựng con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa” do hai tác giả Phạm Minh Hạc và Nguyễn Khoa Điềm chủ biên, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003; Cuốn sách này trình bày các vấn đề: Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa - xây dựng con người, văn hóa và phát triển trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, văn hóa các dân tộc Việt Nam thống nhất và đa dạng, phát triển toàn diện con người trong thời kỳ hiện đại hóa

công nghiệp hóa, xây dựng lối sống đạo đức và chuẩn giá trị xã hội mới, thực trạng đạo đức - tư tưởng chính trị lối sống của thanh niên hiện nay, một số vấn đề về phương pháp đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống để phát triển văn hóa, xây dựng con người trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến dân tộc - sắc tộc ở nước ta và trên thế giới, vấn đề tôn giáo trong thời kỳ hiện đại hóa công nghiệp hóa đất nước.

Giáo sư Nguyễn Văn Huyền, *Văn hóa - Mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, 2006 đã phân tích vai trò của bản sắc văn hóa dân tộc và coi nó là hiện thân của sức mạnh trường tồn và phát triển xã hội Việt Nam.

Trần Quốc Vượng chủ biên cuốn *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 2008 giới thiệu các quan niệm về văn hóa và các đặc điểm của văn hóa Việt Nam trong quá trình tiếp biến văn hóa nhân loại, qua đó khẳng định sự giao lưu văn hóa, cần phải có chính sách giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Năm 2010, Phạm Duy Đức chủ biên hai cuốn sách về văn hóa “*Phát triển văn hoá Việt Nam giai đoạn 2011- 2020. Những vấn đề phương pháp luận*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010; “*Phát triển văn hoá Việt Nam trong thời kỳ đổi mới hiện nay*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010. Đây là những vấn đề được nghiên cứu trên cơ sở tổng kết thực tiễn 25 năm xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Các tác giả phân tích, đánh giá thực trạng văn hóa Việt Nam và thực trạng lãnh đạo, quản lý văn hóa của Đảng và Nhà nước; chỉ rõ các mối quan hệ giữa văn hóa và các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng văn hóa chính trị; đề xuất mục tiêu, quan điểm, định hướng và giải pháp có tính chất đột phá để phát triển nền văn hóa dân tộc trong thập kỷ tới.

Giáo sư Ngô Đức Thịnh trong cuốn *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*, Nxb Chính trị quốc gia, 2010 đã phân tích những giá trị tiêu biểu mang tính đặc sắc riêng có của văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập.

Giáo sư Hoàng Chí Bảo, *Văn hóa và con người Việt Nam trong đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, 2010 đã phân tích khá sâu sắc về vai trò của của văn hóa trong đổi mới và hội nhập quốc tế cũng như sự phát triển bền vững của xã hội Việt Nam.

Tác giả Dương Phú Hiệp trong cuốn *Tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển văn hóa và con người Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, 2010 đã phân tích những tác động tích cực và tiêu cực của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đến sự phát triển những giá trị mang tính bản sắc của văn hóa Việt Nam, đề xuất những nguyên tắc hội nhập quốc tế nhằm bảo đảm, bảo toàn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Phạm Thanh Hà, *Giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011 đi từ việc phân tích cơ sở hình thành, những đặc điểm và nhấn mạnh vai trò qua việc phân tích cơ sở hình thành, những đặc điểm và nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc giữ gìn bản sắc dân tộc, đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa và những tác động hai mặt của toàn cầu hóa, tác giả đã đề ra những định hướng và giải pháp chủ yếu nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc Việt Nam, phát triển lành mạnh con người, xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước.

Cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn hóa và con người Việt Nam do tác giả Dương Phú Hiệp chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia, 2012 trình bày một số nhận định, quan điểm của các tác giả về cơ sở lý luận và phương pháp luận của việc nghiên cứu văn hóa và con người Việt Nam hiện nay.

Vấn đề văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc cũng được đăng tải trên nhiều tạp chí và là đề tài được nhiều luận văn, luận án lựa chọn.

Tác giả Hoàng Thị Hương trong bài *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập quốc tế* (T/c Cộng sản online tapchicongsan.org.vn, ngày 22/9/2010) đã chỉ ra tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Theo tác giả, *giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là giữ gìn cốt cách dân tộc trong quá trình phát triển của dân tộc*. Nói tới cốt cách của một dân tộc thì không chỉ nói tới những nét đặc sắc, đậm đà được biểu hiện qua tính cách mà còn thông qua toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của dân tộc. Lĩnh vực thể hiện rõ nhất cốt cách dân tộc, tinh thần dân tộc là văn hóa. Sự phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, đặc biệt là giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc gắn với giữ gìn cốt cách dân tộc là một nguyên tắc luôn cần được tôn trọng trong quá trình phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Nguyễn Khoa Điềm “*Vấn đề giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số*” tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 7/2000, hay “*Tổng quan về xã hội Mường thời trung cổ*” của Quách Văn Ach báo Hòa Bình số 2571 ngày 21 tháng 10 năm 2007.

Lê Thị Kim Hưng “*Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình Công Nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Thái Nguyên hiện nay*” (Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội) khái quát một số vấn đề về quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, từ đó luận văn tiếp tục trình bày thực trạng và đề xuất một số giải pháp để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Thái Nguyên hiện nay.

Những công trình nghiên cứu về văn hóa Mường ở Hòa Bình có liên quan trực tiếp đến luận văn.

“*Văn hóa dân tộc Mường*”, Tập thể tác giả, Sở Văn hóa Thông tin và Hội Văn hóa các dân tộc tỉnh Hòa Bình, xuất bản tháng 9- 1993; “*Văn hóa Hòa Bình thế kỷ XX*”, tập thể tác giả, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2002.

“*Người Mường ở Hòa Bình*” của Nguyễn Đức Từ Chi tập trung trình bày chi tiết về xã hội cổ truyền, đặc điểm của chế độ ruộng Lang, hoa văn cạp váy, đám tang, nhờ đó mà những vấn đề về hình thái kinh tế, tổ chức xã hội, ruộng đất, ngôn ngữ, hội họa, mối quan hệ Việt – Mường được làm sáng rõ thêm. Song trong nghi lễ đời người chỉ đề cập đến tang ma, với mục đích tìm hiểu vũ trụ luận của người Mường.

“*Nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình*” của tác giả Nguyễn Thị Song Hà, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011 trình bày có hệ thống và toàn diện về nghi lễ trong chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình. Trong cuốn sách này, tác giả đã làm rõ những đặc điểm chung và sắc thái địa phương của nó trong xã hội truyền thống; bước đầu so sánh, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt trong các nghi lễ và chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình với người Mường ở các tỉnh khác; đồng thời phân tích sự biến đổi của các nghi lễ trong chu kỳ đời người từ truyền thống đến hiện đại, chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị trong nghi lễ chu kỳ đời người của người Mường ở Hòa Bình trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập hiện nay.

Nguyễn Thị Thanh Nga (Chủ biên), *Văn hóa truyền thống một số tộc người ở Hòa Bình*, 2007, trong đó đã khảo cứu sâu về đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc Mường song tiếp cận chủ yếu từ góc nhìn truyền thống của một nhóm Mường – Mường Bi (Tân Lạc) mà chưa có sự so sánh nhìn nhận nó trong bối cảnh biến đổi hiện nay.

Hoàng Hữu Bình (Chủ biên), *Văn hóa dân tộc Mường huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình*, 2009 miêu tả khá đầy đủ và sinh động về các khía cạnh đời sống của người Mường ở huyện Kim Bôi, song công trình này chưa đề cập đến quá trình biến đổi, sự giao lưu, tiếp biến văn hóa đã và đang diễn ra trong cộng đồng người Mường ở Hòa Bình trong bối cảnh hiện nay.

Tác giả Bùi Tuyết Mai trong hai cuốn *“Người Mường ở Việt Nam”* (1999), và *“Người Mường trên đất tổ Hùng Vương”* (2001), qua hơn một trăm bức ảnh đã được chọn lọc, sắp xếp logic theo quan điểm tiếp cận liên – đa ngành, chú trọng đến mối quan hệ giữa văn hóa, lịch sử và hiện đại đã cung cấp cho bạn đọc sự hiểu biết tương đối đầy đủ về người Mường ở Việt Nam với các nét đặc trưng về lối sống, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa của họ.

Nhìn chung, các công trình đều đã đi vào nghiên cứu và tìm hiểu những đặc điểm chung về bản sắc văn hóa, văn hóa các dân tộc, văn hóa của dân tộc Mường ở nước ta. Tuy nhiên, những nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở việc tìm hiểu những giá trị văn hóa phong tục tập quán của người Mường nói chung, người Mường ở Hòa Bình nói riêng nhằm giới thiệu về những nét đặc sắc, cái hay, cái đẹp của văn hóa dân tộc Mường. Một số đề tài cũng như các công trình nghiên cứu cũng đề cập đến vấn đề bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường nhưng mới chỉ đề cập đến một cách chung chung hoặc đi sâu nghiên cứu một số nét văn hóa cụ thể, chủ yếu nghiên cứu về văn hóa Mường ở góc độ văn hóa chưa đi sâu vào nghiên cứu một cách có hệ thống dưới góc độ triết học. Mặt khác do tác động của kinh tế thị trường tác động của mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề văn hóa dân tộc Mường đang biến đổi theo những khía cạnh mới, cần tiếp tục đi sâu vào nghiên cứu thêm, từ đó có những giải pháp thiết thực để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường hiện nay. Chính vì vậy, đề tài *“Vấn đề giữ gìn và phát*

huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở tỉnh Hòa Bình hiện nay” góp phần vào thực hiện mục đích đó.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích

Trên cơ sở phân tích thực trạng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình, tác giả đưa ra các phương hướng, đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được các mục đích đề ra, luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ chính sau đây:

+ Làm rõ khái niệm bản sắc văn hóa dân tộc Mường, những nhân tố tác động, tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Việt Nam hiện nay.

+ Phân tích thực trạng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay và những vấn đề đặt ra.

+ Đưa ra phương hướng và đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm giữ gìn và phát huy tốt bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở tỉnh Hòa Bình hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu là bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình dưới góc độ triết học.

Phạm vi nghiên cứu

Văn hóa là một lĩnh vực rất rộng cũng như văn hóa các dân tộc rất phong phú và đa dạng, cho nên luận văn không trình bày toàn bộ các vấn đề thuộc về văn hóa của dân tộc Mường mà chủ yếu khai thác một cách có hệ thống ở khía cạnh triết học những giá trị văn hóa tạo nên bản sắc văn hóa của dân tộc Mường ở Hòa Bình nhằm giữ gìn và phát huy nó trong giai đoạn hiện nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận

Luận văn chủ yếu dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, và quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về văn hóa, dân tộc và chính

sách dân tộc, đồng thời có kế thừa những thành tựu của một số công trình liên quan đến nội dung được đề cập trong luận văn.

Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử để phân tích, lý giải, làm rõ các vấn đề, đồng thời kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp, lịch sử và logic, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, so sánh, khái quát nhằm đạt mục đích và nhiệm vụ mà luận văn đã đề ra.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa lý luận

Luận văn góp phần làm rõ thêm những nét đặc sắc của dân tộc Mường, thực trạng việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay, qua đó đưa ra những giải pháp chủ yếu nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Mường ở Hòa Bình trong giai đoạn hiện nay.

Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và giảng dạy các bộ môn: triết học văn hóa, văn hóa học, cơ sở dân tộc học và chính sách dân tộc, cơ sở văn hóa Việt Nam ở trong các trường Đại học, Cao đẳng, tài liệu tham khảo trong thư viện của Sở Văn hóa Thông tin Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 2 chương 5 tiết.

Chương 1

BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC MƯỜNG

1.1. Một số vấn đề lý luận về bản sắc văn hóa dân tộc, bản sắc văn hóa dân tộc Mường

1.1.1. Khái niệm bản sắc văn hóa dân tộc và bản sắc văn hóa dân tộc Mường

Trong thời đại ngày nay, sự phát triển của khoa học và công nghệ thông tin đã làm cho thế giới dường như nhỏ lại trước sự truyền dẫn thông tin mạnh mẽ và nhanh chóng. Cùng với sự lan tỏa thông suốt về thông tin trên phạm vi toàn cầu, sự giao lưu, tác động trao đổi lẫn nhau giữa các quốc gia trên mọi phương diện như: kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội được thể hiện dễ dàng hơn. Xu thế đó đem lại nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng chứa đựng không ít những thách thức, trong đó có thách thức về giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Điều đó đã đặt ra một yêu cầu bức thiết cho mỗi quốc gia dân tộc phải có những chính sách cũng như giải pháp hữu hiệu để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển. Chính vì vậy, trong thời gian gần đây, vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc được nhiều học giả quan tâm và nghiên cứu. Vậy bản sắc văn hóa dân tộc là gì? Điều gì làm nên bản sắc riêng của mỗi dân tộc? cần được xem xét một cách toàn diện nhiều chiều để từ đó đưa ra những lý giải thấu đáo và nhận thức đúng đắn về bản sắc văn hóa dân tộc.

Để hiểu được khái niệm *bản sắc văn hoá dân tộc* trước tiên chúng ta phải tìm hiểu khái niệm *văn hóa* là gì? Văn hóa là khái niệm được sử dụng phổ biến trong đời sống xã hội, trên thế giới hiện nay có tới hàng trăm cách định nghĩa khác nhau về văn hóa nhưng về cơ bản đều thống nhất coi văn hóa là những gì mà con người sáng tạo, để hình thành nên các giá trị các chuẩn mực xã hội trong quá trình lao động, hoạt động thực tiễn. Các chuẩn mực đó tác động chi phối, điều chỉnh đời sống tâm lý, hành vi, đạo đức và các hoạt động trên mọi lĩnh vực có sự hiện diện của con người. Trong tác phẩm *Chống Duyrinh* khi nói về sự tiến triển về tư tưởng tự do của loài người, Ph.Ăngghen đã viết “mỗi bước tiến lên trên con đường văn

hóa là một bước tiến tới tự do”[34, tr.164]. Trong đoạn trích trên Ph.Ăngghen đã phân tích, con người trong tiến trình lịch sử của mình, khi thoát khỏi người vượn cổ, nghĩa là ngày càng có văn hóa, thì con người ngày càng tự do hơn, theo ông hai chữ “tự do” ở đây là bản chất con người. Thời kì C.Mác và Ph.Ăngghen, khái niệm văn hóa học chưa xuất hiện còn khái niệm văn hóa thì vẫn chưa hoàn toàn tách khỏi văn minh.

Theo V.I.Lênin, nền văn hóa vô sản có khả năng phát triển toàn diện năng lực bản chất của con người cho nên nó phải là sự kế thừa có phê phán các giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại để phát triển lên một tầm cao mới, mang đậm chất liệu văn hóa bản chất người, V.I.Lênin viết: “Nền văn hóa vô sản không phải từ trên trời rơi xuống, nó không phải do những người tự cho mình là chuyên gia về văn hóa vô sản bịa đặt ra... văn hóa vô sản phải là sự phát triển hợp quy luật của vốn kiến thức mà loài người đã tạo ra dưới ách áp bức của xã hội tư bản, địa chủ và của xã hội quan liêu”[41, tr.402].

Văn hóa là kết quả của quá trình lao động và hoạt động xã hội của con người, khi mà đề cập đến vấn đề này các nhà lãnh đạo Đảng và nhà nước ta đã khẳng định: “Văn hóa sản sinh ra trong quá trình con người tác động vào tự nhiên và tiến hành đấu tranh xã hội”[10, tr.257].

Một định nghĩa khác về văn hóa: “Văn hóa là biểu hiện của phương thức sống của con người, là tổng hòa mọi giá trị người”, trong các trường hợp văn hóa ở đây luôn chỉ là thuộc tính trong mối quan hệ sự vật - quan hệ, thuộc tính, hay nói một cách khác văn hóa ở đây chỉ có thể là mặt, là khía cạnh, là phương diện hay là thuộc tính của cái khác [45, tr.32].

Định nghĩa “Văn hóa” được cộng đồng thế giới sử dụng nhiều và đã được nhiều người trích dẫn hơn cả là định nghĩa của UNESCO, nêu trong “tuyên bố về chính sách văn hóa” tại hội nghị quốc tế về chính sách văn hóa của UNESCO từ ngày 26/7 đến ngày 6/8/1982 tại Mêhicô:

“Văn hóa là tổng thể những nét đặc thù về tinh thần và vật chất, về trí tuệ và xúc cảm qui định tính cách của một xã hội hay của một nhóm xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản (tồn tại – being) người, những hệ thống giá trị, những truyền thống và tín ngưỡng. Văn hóa

đem lại cho con người khả năng suy xét (reflect – phản tư) về bản thân. Chính văn hóa làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt – con người, có lý tính, có óc phê phán và dần thân một cách đạo lý. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm kiếm không mệt mỏi những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công trình vượt qua cả giới hạn của bản thân”.

Trong sách *Việt Nam văn hóa sử cương*, Đào Duy Anh viết: “Người ta thường cho rằng văn hóa là chỉ những học thuật tư tưởng của loài người, nhân thể mà xem văn hóa vốn có tính chất cao thượng đặc biệt. Thực ra không phải như vậy. Học thuật tư tưởng cố nhiên là ở trong phạm vi của văn hóa nhưng phạm sự sinh hoạt về kinh tế, về chính trị, về xã hội cũng hết thảy các phong tục tập quán tầm thường lại không phải là ở trong phạm vi văn hóa hay sao? Hai tiếng văn hóa chẳng qua là chỉ chung tất cả các phương diện sinh hoạt của loài người cho nên ta có thể nói rằng: “*Văn hóa tức là sinh hoạt*”[1, tr.13].

Nhà nghiên cứu văn hóa Phan Ngọc nói ông đã tìm được trên 300 định nghĩa về văn hóa và những định nghĩa này đều theo tinh thần luận, theo thao tác luận ông định nghĩa: “Văn hóa là mối quan hệ giữa thể giới biểu tượng trong óc một cá nhân hay một tộc người với cái thể giới thực tại ít nhiều đã bị cá nhân này hay tộc người này mô hình hóa theo cái mô hình tồn tại trong biểu tượng. Điều biểu hiện rõ nhất chứng tỏ mối quan hệ này, đó là văn hóa dưới hình thức dễ thấy nhất, biểu hiện thành một kiểu lựa chọn riêng của cá nhân hay tộc người, khác các kiểu lựa chọn của các cá nhân hay các tộc người khác”[44, tr.18].

Khái niệm văn hóa của Trần Ngọc Thêm “Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình”[56, tr.25].

Nghiên cứu về văn hóa các nhà văn hóa Việt Nam cũng đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau: “Văn hóa là một hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra và sử dụng các giá trị ấy trong quá trình hoạt động thực tiễn của mình – tức là trong quá trình nhận thức và tương tác của con người với thiên nhiên,

với xã hội; trong quá trình con người tự nhận thức, tự hoàn thiện, - để chủ động nhân đạo hóa ngày càng cao cuộc sống của mình”[55, tr. 20].

Tổng quan về khái niệm văn hóa, chúng ta có thể thấy, có rất nhiều quan niệm và định nghĩa khác nhau về văn hóa đã được đề xuất và lưu hành rộng rãi ở Việt Nam và trên thế giới, trong cuốn “*Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*”, Phan Ngọc khẳng định: “Văn hóa là một quan hệ. Nó là mối quan hệ giữa thế giới biểu tượng và thế giới thực tại. Quan hệ ấy biểu hiện thành một kiểu lựa chọn riêng của một tộc người, một cá nhân so với một tộc người khác, một cá nhân khác” [43, tr. 13].

Trong bài viết của mình, Nguyễn Đức Từ Chi đã quy các kiểu nhìn khác nhau về văn hóa vào hai góc độ: “góc rộng, hay góc nhìn “dân tộc học” đây là góc chung của nhiều ngành khoa học xã hội, góc hẹp góc thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, còn gọi là góc báo chí”[9, tr.565,570].

Văn hóa còn được hiểu theo một cách khác nữa “Văn hóa là tổng thể những hệ thống biểu trưng (ký hiệu) chi phối cách ứng xử và giao tiếp trong cộng đồng, khiến cộng đồng đó có đặc thù riêng”[39, tr. 314].

Đề cương văn hóa Việt Nam do đồng chí Trường Chinh Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng ta khởi thảo và được công bố năm 1943, trong bối cảnh bấy giờ chiến tranh thế giới thứ hai đang lan rộng, và ngày càng ác liệt, ở Việt Nam, tình hình kinh tế, chính trị, tư tưởng văn hóa xã hội rất phức tạp, mâu thuẫn giai cấp và dân tộc ngày càng sâu sắc, *Đề cương văn hóa Việt Nam* năm 1943 của Đảng với nội dung ngắn gọn, súc tích, với tính khoa học và cách mạng đã trở thành một vũ khí tư tưởng sắc bén trên mặt trận văn hóa. Nội dung của đề cương gồm 5 phần ngắn gọn, là sự cụ thể hóa quan điểm văn hóa của Đảng, sự gắn bó vai trò văn hóa với ý nghĩa cuộc cách mạng giải phóng, đặt ra những mục đích, nguyên tắc, quan hệ của cuộc cách mạng văn hóa với cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, đề ra nhiệm vụ cấp bách của người chiến sĩ văn hóa mácxít như là một trong những điều kiện tiên quyết đảm bảo sự thắng lợi của cuộc cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Quan điểm này tiếp tục được khẳng định trong suốt quá trình tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa. Tháng 7 năm 1998, Hội nghị Ban Chấp hành Trung

ương năm khóa VIII ra nghị quyết về *xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*, nhìn vào đó chúng ta có thể thấy toàn bộ tinh thần của nghị quyết đã làm sáng lên bức tranh của nền văn hóa đất nước trong tương lai “...là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”[17, tr.29].

Đến Đại hội IX, những tư tưởng chủ yếu của Đảng về phát triển văn hóa tiếp tục được thể hiện trên cơ sở thực tiễn thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương khóa VIII. Đại hội IX nhấn mạnh vị trí, vai trò của văn hóa trong lịch sử phát triển của dân tộc ta, khẳng định sức sống lâu bền của những quan điểm tư tưởng nêu trong Nghị quyết này trong đời sống xã hội, trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội X, Đảng ta xác định tiếp tục phát triển sâu rộng, nâng cao chất lượng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cùng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng đưa phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, xây dựng nếp sống văn hóa trong các gia đình, khu dân cư, cơ quan, đơn vị doanh nghiệp, làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu vào mọi mặt đời sống, được thể hiện cụ thể trong sinh hoạt, công tác, quan hệ hằng ngày của cộng đồng và từng con người, tạo sức đề kháng đối với sản phẩm độc hại. Phát triển sự nghiệp văn học nghệ thuật, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống cách mạng, tiếp tục phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giàu chất nhân văn, dân chủ, vươn lên hiện đại, phản ánh chân thật, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước, cổ vũ, khẳng định cái đúng, cái đẹp, đồng thời lên án cái xấu, cái ác. Phát triển hệ thống thông tin đại chúng, chú trọng nâng cao tính tư tưởng phát huy mạnh mẽ chức năng thông tin, giáo dục tổ chức và phản biện xã hội của các phương tiện thông tin đại chúng vì lợi ích của nhân dân và đất nước, khắc phục những xu hướng thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích hoạt động báo chí, xuất bản, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hóa.

Đại hội XI, Đảng và nhà nước ta đã đưa ra luận điểm về định hướng xây dựng văn hóa: “Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng

đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao”[20, tr. 76]

Như vậy, từ những vấn đề đã trình bày ở trên, chúng tôi hiểu *“Văn hóa là một hệ thống các giá trị xã hội (bao gồm giá trị vật chất và giá trị tinh thần) cũng như phương thức tạo ra chúng, kỹ năng sử dụng các giá trị đó vì sự tiến bộ của con người và sự truyền thụ các giá trị đó từ thế hệ này sang thế hệ khác”*.

“Văn hóa” không phải là cái chung trừu tượng, giống nhau ở mọi thời kì của xã hội, mọi cộng đồng, dân tộc. Mỗi cộng đồng dân tộc có đời sống xã hội riêng biệt, đặc thù và một lịch sử hình thành, một hiện thực con người không đồng nhất với các cộng đồng khác, cho nên văn hóa mang tính riêng biệt, đặc thù của mỗi dân tộc, một dân tộc muốn tồn tại cùng với nền văn hóa do chính mình tạo ra. Văn hóa có mặt và in dấu trên mọi mặt của đời sống xã hội của một dân tộc nhất định, của một cộng đồng riêng biệt, chúng ta gọi là “bản sắc dân tộc của văn hóa” hay “bản sắc văn hóa dân tộc”.

Bản sắc theo nghĩa ban đầu “bản của một sự vật” là cái gốc, cái căn bản, cái cốt lõi, cái hạt nhân của sự vật, còn “sắc của một sự vật” là cái biểu hiện ra bên ngoài của sự vật đó. Trong *Từ điển Tiếng Việt* “bản sắc” ở đây là màu sắc, tính chất riêng tạo thành đặc điểm chính bản sắc dân tộc.

Bên cạnh đó cũng có nhiều ý kiến cho rằng “bản sắc” là màu sắc, tính chất riêng tạo thành đặc điểm chính của đối tượng, sự vật hoặc là tính chất đặc biệt vốn có tạo thành phẩm cách riêng của đối tượng, sự vật. Theo cách hiểu của chúng tôi, mỗi sự vật có nhiều thuộc tính như tính chất, đặc điểm, dấu hiệu, đường nét. Trong đó có những thuộc tính chung và những thuộc tính riêng, thuộc tính cơ bản và không cơ bản của sự vật ấy, song thuộc tính riêng ấy gắn bó chặt chẽ với thuộc tính chung. Do đó, theo chúng tôi, bản sắc của một sự vật nào đó là *tập hợp những thuộc tính cơ bản của sự vật ấy mà qua đó ta phân biệt sự giống và khác nhau giữa sự vật ấy với sự vật khác*.

Dân tộc là một quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người, trước khi dân tộc xuất hiện, loài người đã trải qua những hình thức cộng đồng từ thấp đến cao: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc. Khái niệm bản sắc được hiểu như trên, còn khái niệm

dân tộc thì được hiểu theo nghĩa là dân tộc quốc gia (Nation) và tộc người (Ethnic). Dân tộc quốc gia là “cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung” [27, tr.247].

Một dân tộc quốc gia gồm nhiều tộc người với nhiều hệ cũng như nhóm ngôn ngữ, phong tục tập quán nếp sống văn hóa khác nhau như dân tộc Nga, dân tộc Việt Nam, dân tộc Ấn Độ. Tộc người là những cộng đồng người cùng chung ngôn ngữ, một số phong tục, tập quán lối sống văn hóa và nhất là có một ý thức tự giác dân tộc. Ví dụ: dân tộc Kinh, dân tộc Mường, dân tộc Thái, ngoài ra còn nhiều dân tộc khác. Trong một dân tộc quốc gia, ngôn ngữ của tộc người chiếm đa số thường được coi là quốc ngữ (ngôn ngữ chính thức của một quốc gia).

Trong cuốn “*Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*” tác giả Ngô Đức Thịnh đã đề xuất quan niệm cho rằng: “Bản sắc văn hóa dân tộc là một tổng thể các đặc trưng của văn hóa, được hình thành, tồn tại, phát triển suốt quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, các đặc trưng văn hóa ấy mang tính bền vững, trường tồn, trường tượng và tiềm ẩn”[59, tr. 29].

Khi nói đến dân tộc, chúng ta cần phân biệt hai nghĩa của khái niệm dân tộc. Nghĩa thứ nhất, dân tộc là một bộ phận của quốc gia. Nghĩa thứ hai, dân tộc là toàn bộ nhân dân của quốc gia đó (quốc gia dân tộc). Trong luận văn này khi nói đến bản sắc văn hóa dân tộc, thì khái niệm dân tộc được hiểu theo nghĩa tộc người.

Khi nói đến bản sắc văn hóa là người ta muốn nói đến tinh hoa của một nền văn hóa, đã là tinh hoa thì phải là những gì tốt đẹp nhất đã được lịch sử kế thừa và sàng lọc, thử thách và khẳng định tiêu biểu cho dân tộc trong một giai đoạn nhất định của lịch sử. Có một số quan điểm cho rằng, bản sắc của một dân tộc bao gồm những đặc điểm riêng của dân tộc ấy. Như vậy, quan điểm này đã tuyệt đối hóa tính đặc thù của dân tộc, một số quan điểm khác cho rằng tuy có sự khác biệt giữa các dân tộc, nhưng sự khác biệt này không phải là quan trọng và ít quan trọng hơn trong xu thế toàn cầu hóa và mở rộng hợp tác hội nhập quốc tế và giao lưu văn hóa, đây là quan điểm phủ nhận tính đặc thù dân tộc. Từ những quan điểm trên chúng ta có thể thấy các khía cạnh thực tế nhất định, nhưng tính cực đoan không bao giờ là chân lý. Do vậy, bản sắc dân tộc của văn hóa không phải là một thuộc tính mà là

phạm trù chỉ phẩm chất, chất lượng của một nền văn hóa: “Bản sắc chính là văn hóa, song không phải bất cứ yếu tố văn hóa nào giúp phân biệt một cộng đồng văn hóa này với một cộng đồng văn hóa khác là bản sắc”[64, tr.13].

Lịch sử của loài người đã chứng minh, để có được loài người hoàn thiện và phát triển như hiện nay đã phải trải qua quá trình vận động và tiến hóa lâu dài, với nhiều cộng đồng người khác nhau, ở những vùng miền khác nhau cả về không gian và địa lý, cả về phương thức để thỏa mãn nhu cầu cuộc sống của con người. Khi nói về sự không giống nhau ấy cũng chính là nói về sự khác nhau trong bản sắc văn hóa của mỗi cộng đồng. Khi nói bản sắc văn hóa của mỗi cộng đồng là muốn nhấn mạnh rằng, mỗi cộng đồng đã hiện hình bản chất người của mình trong những sắc thái riêng, được qui định bởi không gian sống với những điều kiện tự nhiên và lịch sử hình thành của cộng đồng ấy: “Bản sắc văn hóa dân tộc là một phạm trù rộng, bao quát một cách uyển chuyển, linh hoạt nhiều đặc điểm của một dân tộc để tạo nên một bộ mặt, hình dáng, cốt cách của dân tộc ấy không đồng nhất với các dân tộc khác trong khu vực và trên thế giới”[66, tr.289].

Bản sắc văn hóa dân tộc được hình thành và phát triển phụ thuộc vào những yếu tố sau: đặc điểm tộc người, điều kiện lịch sử, tự nhiên, môi trường cư trú, thể chế chính trị và sự giao lưu với các nền văn hóa khác. Nói đến văn hóa là nói đến việc dân tộc đã sáng tạo, đã vun trồng nền văn hóa đó. Bản sắc dân tộc về văn hóa cũng chính là bản sắc văn hóa của dân tộc ấy: “Bản sắc văn hóa dân tộc” là tổng hòa những khuynh hướng cơ bản trong sáng tạo văn hóa của một dân tộc, vốn được hình thành trong mối liên hệ thường xuyên với điều kiện kinh tế, môi trường tự nhiên, các thể chế, các hệ tư tưởng...trong quá trình vận động không ngừng của dân tộc đó”[25, tr.37].

Trong bất kì thời kì nào của lịch sử thì bản sắc văn hóa cũng là một sức mạnh. Đó là sức mạnh nội tại của dân tộc, là hạt nhân năng động nhất trong toàn bộ tinh thần sáng tạo truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bản sắc văn hóa làm cho một dân tộc luôn là chính mình. Với một dân tộc trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc cùng với sự đô hộ của thực dân Pháp hàng trăm năm, nhưng với tinh thần ý chí nghị lực, tự cường, người Việt đã và vẫn giữ được những tinh hoa văn hóa đặc sắc mà bao đời nay cha ông ta gìn giữ. Chúng ta vẫn giữ được tiếng nói của mình,

vẫn giữ được vốn văn nghệ dân gian, vẫn giữ và phát triển được bản sắc văn hóa của mình. Có thể thấy, dân tộc ấy đã nắm chắc trong tay chiếc chìa khóa vàng của sự giải phóng, độc lập và tự do: “Một dân tộc qua các biến cố lịch sử một lúc nào đó, một thời đại nào đó có thể mất độc lập, bị người ngoài đô hộ nhưng nếu dân tộc ấy vẫn giữ và phát triển được bản sắc văn hóa của mình, thì dân tộc ấy vẫn nắm chắc trong tay chìa khóa của sự giải phóng, chìa khóa của tự do, độc lập”[7, tr.48].

Như vậy, có thể đưa ra định nghĩa: *“Bản sắc văn hóa dân tộc là tổng thể những giá trị bền vững, những tinh hoa văn hóa vật chất và tinh thần làm nên sắc thái riêng của một dân tộc trong lịch sử và trong phát triển mà qua đó chúng ta biết được dân tộc này với dân tộc khác trong đời sống cộng đồng .*

Bản sắc dân tộc của nền văn hóa không phải là cái nhất thành bất biến, mà nó cũng vận động biến đổi theo bước phát triển của lịch sử, mỗi bước phát triển mới luôn có sự sàng lọc, lọc bỏ, kế thừa một cách tự giác thông qua hoạt động của chủ thể.

Nếu như một dân tộc mà đánh mất đi bản sắc văn hóa, thì có thể nói dân tộc ấy đã đánh mất đi chính mình, một nền văn hóa có tính dân tộc là một nền văn hóa mang đầy đủ bản sắc của dân tộc. Chính vì vậy, việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tạo nên bản sắc văn hóa của dân tộc, là một vấn đề có ý nghĩa lớn lao đối với mỗi dân tộc “... khi đất nước bị xâm lăng, dân tộc bị đô hộ thì bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu – đó chính là một cách để tự vệ; còn khi đất nước độc lập, dân tộc tự do thì việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trở thành quan trọng”[57, tr.184 - 185].

Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam là tổng thể những giá trị bền vững do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo trong quá trình giữ nước và dựng nước. Với nền văn hóa vững chắc và sức mạnh văn hóa to lớn dân tộc ta vẫn giữ và phát huy được sức mạnh văn hóa to lớn dù trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc dân tộc ta chẳng những không bị đồng hóa mà với ý chí quật cường đã đứng dậy giành lại độc lập tự do. Ở đây chứa đựng những tinh hoa mang đậm cốt cách, diện mạo của con người, của các tộc người, hiểu theo một nghĩa khác đây là những giá trị tinh túy nhất, quan trọng nhất, bền vững nhất, là những sắc thái riêng biệt của mỗi dân tộc,

là cơ sở để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác đó chính là bản sắc văn hóa của dân tộc.

Bản sắc văn hóa dân tộc của văn hóa biểu hiện một cách sinh động trong nội dung và hình thức của các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể (văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần) mà dân tộc ta đã sáng tạo và tích lũy trong lịch sử tồn tại và phát triển của mình, từ đó mà nền văn hóa luôn tạo nên cái sắc diện khác biệt để thấy được quá trình phát triển.

Trong chiến lược xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, Đảng ta chỉ rõ: “Bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước, tạo thành những nét đặc sắc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – tổ quốc, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống...Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét trong cả hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo” [17, tr.56].

Có thể nói, sự đặc sắc trong văn hóa dân tộc Việt Nam là một nền văn hóa vừa đa dạng vừa thống nhất, sự đan xen, tiếp xúc, biến đổi, bổ sung lẫn nhau của văn hóa các tộc người, trên cùng một lãnh thổ quốc gia. Sự cố kết ấy được thể hiện trong 54 dân tộc anh em sống xen kẽ nhau trong một lãnh thổ, chung một ngôn ngữ phổ thông, quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã hun đúc lên ý chí tự lực, tự cường và ý thức cộng đồng và tinh thần cố kết cao. Các dân tộc Việt Nam có chung một khát vọng cùng sinh sống, cùng chung ý thức dân tộc mỗi một vùng miền của nước ta. Do điều kiện tự nhiên, phương thức canh tác, sự giao lưu văn hóa, tâm lý cộng đồng nguồn gốc lịch sử mà mỗi vùng có những sắc thái văn hóa riêng được thể hiện qua tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán, lối sống và những ứng xử trong các sinh hoạt thường ngày. Ở đây thể hiện tính thống nhất và tính đa dạng phong phú không loại trừ mà còn bổ sung cho nhau.

Sự giao lưu và tiếp biến văn hóa, đã tạo nên những yếu tố đặc trưng cốt lõi của mỗi dân tộc vẫn được giữ lại, hòa nhập nhưng không bị hòa tan bởi các yếu tố

kinh tế thị trường, sự giao lưu và mở rộng với các nền văn hóa mới. Chính vì vậy, nó làm nên sắc thái độc đáo không trộn lẫn với dân tộc khác làm cho nền văn hóa Việt Nam muôn vàn hương sắc, từ đó tạo nên sự hài hòa, hay còn gọi là hòa hợp dân tộc không làm mất đi tính riêng biệt của bản sắc văn hóa tộc người cùng với sự tiến bộ của cả cộng đồng dân tộc. Từ đó có thể nói, nền văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa thống nhất được biểu hiện rất đa dạng bởi sự phát triển và bổ sung lẫn nhau giữa văn hóa của Tổ quốc và văn hóa của từng tộc người.

Hòa Bình là một tỉnh miền núi nằm trong vùng Tây Bắc Việt Nam, chính nơi đây các nhà khảo cổ học đã tìm ra những chứng tích của một nền văn hóa bắt đầu chuyển sang thời kì đá mới tiêu biểu cho cả khu vực Đông Nam Á lục địa. Con cháu của cư dân Hòa Bình, Bắc Sơn sau này chính là người Lạc Việt, những người đã tạo dựng nên nhà nước Văn Lang với nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ.

Trong cộng đồng 54 dân tộc của Việt Nam, người Mường còn có tên gọi *Mol*, *Mual*, *Mon*, các nhóm địa phương: *Ao tá* (Âu tá), *Mọi bi*. Không phải ngay từ buổi đầu của lịch sử, dân tộc Mường đã có tộc danh như ngày nay và trước đây, người Mường cũng không dùng danh từ này để làm tên gọi cho dân tộc mình. Mường là từ dùng để chỉ một vùng cư trú của người Mường bao gồm nhiều làng, mỗi làng, mỗi vùng được đặt dưới sự cai quản của một nhà lang, qua sự tiếp xúc giao lưu giữa người Mường và người Kinh, người Kinh đã sử dụng từ Mường để gọi dân tộc này. Cho đến tận bây giờ, người Mường vẫn gọi mình là *Mol*, *Moăn* như ở Hòa Bình, mặc dù những từ này có biến âm hơi khác ở mỗi vùng, mỗi địa phương nhưng đều quan niệm giống nhau về mặt biến âm hơi, và mỗi vùng, mỗi địa phương đều quan niệm giống nhau về mặt nghĩa. Tất cả những từ mà người Mường dùng để chỉ dân tộc mình có nghĩa là Người. Vì lẽ đó, người Mường thường tự xưng mình là con *Mol* hoặc là con *Mon*: con người. Hiện nay, Mường là tên gọi chính thức, cùng với 54 dân tộc người anh em khác hợp thành cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Hiện nay, ở tỉnh Hòa Bình, ngoài tên gọi chính thức của Nhà nước (xã, huyện), dân tộc Mường vẫn có thói quen dùng tên gọi xưa như “Mường tô”, “Mường nen”, “Mường khói” (tương ứng với một xã) hay Mường Bi, Vang, Thành, Động (những Mường lớn, bao gồm một phạm vi khá rộng trong một huyện). Theo

những kết quả của nhiều công trình nghiên cứu về ngôn ngữ học, lịch sử, nhân chủng học, khảo cổ học, dân tộc học, các nhà nghiên cứu đã nhận định rằng, dân tộc Mường và dân tộc Kinh (Việt) hơn một ngàn năm trước có chung nguồn gốc, tổ tiên đó là người Việt cổ (hay còn gọi là người Việt – Mường) họ là những chủ nhân của nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ của dân tộc ta, trong quá trình phát triển. Một bộ phận của người Việt cổ đã xuôi theo các dòng sông lớn như Sông Hồng, Sông Mã tiến hành khai phá đồng bằng, gây dựng cuộc sống mới. Từ đây bắt đầu có sự phân chia những bộ phận ở lại thung lũng, chân núi thành người Mường hiện nay, còn bộ phận di cư và gây dựng cuộc sống mới ở Đồng Bằng, ven biển trở thành những người Kinh hiện nay. Sự thật lịch sử này đã phản nào minh chứng trong truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ mà tất cả chúng ta ai cũng biết và tự hào về nguồn gốc của mình.

Người Mường cư trú chủ yếu trong các thung lũng có núi đá vôi bao bọc, đây là những dãy núi chạy dài từ Nghĩa Lộ đến khu vực phía tây Nghệ An. Đó là một địa bàn rộng lớn gồm các tỉnh: Hòa Bình, Phú Thọ, Yên Bái, Hà Tây (nay là Hà Nội), Thanh Hóa, trong đó Hòa Bình là tỉnh đông người Mường sinh sống, 6 huyện miền núi của Thanh Hóa (Bá thước, Ngọc lộc, Như xuân, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Lang Chánh) 3 huyện của Phú Thọ (Thanh Sơn, Yên Lập, Tam Thanh), và rải rác ở một số huyện của Sơn La, Hà Tây (Hà Nội), Ninh Bình, Nghệ An. Tuy nhiên, Hòa Bình vẫn được coi là quê hương nguồn cội của người Mường.

Bản sắc văn hóa Mường là sự kế thừa trực tiếp bản sắc văn hóa Việt cổ, nhưng được tái tạo theo cảm quan riêng biệt của người Mường, đây là một vị thế đặc biệt của bản sắc văn hóa Mường trong nền văn hóa Việt Nam. Bản sắc văn hóa Mường cũng thể hiện cái riêng đặc sắc của một văn hóa tộc người đã tồn tại hàng ngàn năm. Chính cái riêng này đã tạo nên một cái diện mạo mà chúng ta không thể trộn lẫn của người Mường. Văn hóa, bản sắc văn hóa Mường trong nền văn hóa đa sắc màu của cả cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Từ đó có thể thấy, văn hóa, bản sắc văn hóa Mường đã thể hiện được chiều sâu của cội nguồn văn hóa dân tộc. Việc nghiên cứu bản sắc văn hóa Mường có một ý nghĩa vô cùng quan trọng thời kì hội nhập và phát triển sâu rộng như hiện nay.

Từ khái niệm bản sắc văn hóa dân tộc, chúng tôi hiểu: “*Bản sắc văn hóa Mường là những nét riêng độc đáo biểu hiện trong các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần mà cộng đồng người Mường đã sáng tạo và tích lũy trong lịch sử của mình, những giá trị này được kế thừa và phát triển qua nhiều thế hệ, và cũng được vận động biến đổi cùng với sự vận động biến đổi của văn hóa tộc người gắn liền với sự phát triển chung của văn hóa dân tộc*”. Trong quá trình phát triển của mình dân tộc Mường đã để lại một di sản các giá trị văn hóa tinh thần và vật chất vô cùng phong phú thể hiện tâm hồn, tình cảm cùng cốt cách độc đáo của dân tộc Mường trong lối sống, lối ứng xử với tự nhiên, ứng xử giữa con người với con người trong xã hội.

1.1.2. Một số đặc trưng cơ bản của bản sắc văn hóa dân tộc Mường

Khi nói đến văn hóa của một tộc người là nói đến các yếu tố như: tiếng nói; ngôn ngữ; chữ viết; lối sống cách ứng xử với môi trường tự nhiên các mối quan hệ tự nhiên và mối quan hệ xã hội, sắc thái tâm lý, tình cảm phong tục, lễ nghi, tín ngưỡng... Tất cả những yếu tố này được hình thành trong lịch sử nên có tính đặc thù, bền vững, ổn định, được kế thừa và phát triển từ thế hệ này sang thế hệ khác, và được hoàn thiện dần cùng với sự phát triển của tộc người. Văn hóa là một vấn đề rộng, bản sắc văn hóa các dân tộc cũng phong phú và đa dạng. Như đã trình bày ở phạm vi nghiên cứu, luận văn không trình bày toàn bộ các vấn đề thuộc về văn hóa của dân tộc Mường mà chủ yếu khai thác một cách có hệ thống những giá trị văn hóa đặc trưng thuộc về văn hóa dân tộc Mường. Bên cạnh những nét chung mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, văn hóa dân tộc Mường cũng có những nét riêng độc đáo thể hiện bản sắc của tộc người Mường được khái quát một số nét sau:

Người Mường có cùng nguồn gốc với người Việt cổ, có chung một nền văn hóa rộng lớn, trải dài suốt bao thế kỉ, thấm đậm dòng máu con Lạc cháu Hồng, thế hệ sau tiếp nối thế hệ trước vươn lên chiến thắng thiên nhiên cùng nhau xây dựng bản làng, để hôm nay có được những cánh đồng bát ngát, những con đường trải dài ven núi. Vì vậy, từ trước đến nay cư dân Mường sống bằng nghề nông nghiệp, trồng lúa và kết hợp làm nương rẫy, bản làng thường tập trung ở chân núi với hướng nhà nhìn ra cánh đồng hay dòng suối. Chính vì điều kiện cư trú như vậy, nên văn hóa Mường mang đậm nét bản địa, bó gọn lại trong các Mường và lưu truyền nền văn hóa hết sức

giản dị mộc mạc mà độc đáo qua cuộc sống hàng ngày trong từng nếp ăn, nếp nghỉ. Bản sắc văn hóa được thể hiện qua các sản phẩm văn hóa (có thể là vật thể hoặc phi vật thể, có thể là văn hóa vật chất hay văn hóa tinh thần).

Văn hóa vật thể, văn hóa vật chất

- Nhà ở:

Ngôi nhà sàn của người Mường chủ yếu được làm bằng gỗ, tre, nứa, mái bằng rạ hoặc cỏ, trước kia nhà sàn to rộng có thể chứa hàng trăm người, nhưng hiện nay những ngôi nhà sàn như vậy thì không còn, thay vào đó bằng những ngôi nhà sàn nhỏ, gọn, phù hợp hơn với cuộc sống hiện đại căn cứ vào địa hình vùng rừng núi nhiều triền núi dốc ẩm thấp, thú dữ, mưa lũ nhiều, nên làm nhà sàn vừa có thể tránh lũ, cao ráo, thoáng mát, cuộc sống an toàn hơn. Xét theo quan niệm duy vật thì có lẽ đây mới là yếu tố chính quyết định kiến trúc ngôi nhà sàn, dù xét ở góc độ nào thì ngôi nhà sàn người Mường đều thể hiện được tính ưu việt, đa năng, còn là nơi giáo dục các thành viên trong gia đình.

Kiến trúc và họa tiết trang trí truyền thống nhà sàn Mường rất đơn giản không cầu kì như nhà sàn một số dân tộc khác. Khung nhà sàn được hình thành trên cơ sở các vì trung gian. Đây là loại vì bốn cột: Hai cột cái bên trong, đầu cột đầu vào quá giang và đôi đòn tay cái, hai cột cái bên ngoài khớp với chân kèo, cả bốn cột được gia cố liên kết với nhau bởi dầm sàn nên càng thêm chắc chắn. Nhà có bốn mái dốc hình mu rùa, mái được nâng đỡ bằng một bộ xương các vì kèo, được gá lỏng lẻo vào các cột bằng cách sử dụng các ngoãm và dây buộc. Sàn nhà được làm bằng gỗ, hoặc tre, sàn vừa để ở, vừa đặt bếp, trên sàn để thóc, ngô. Gầm sàn là nơi cất giữ công cụ lao động, củi đun, nhót trâu bò, lợn gà, đặt máng vò lúa, cối xay, giã gạo. Cầu thang chính đặt ở đầu hồi bên phải, nối lên gian nhà ngoài nơi đặt bàn thờ tổ tiên và chỗ ngồi của người đàn ông, người cao tuổi tiếp khách nam giới, cầu thang phụ dành cho phụ nữ, nối lên gian nhà trong, gần sàn phơi và bếp dành cho người phụ nữ gắn với công việc bếp núc và sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Cách sắp xếp trên dưới trong ngoài ở ngôi nhà thể hiện quan niệm ứng xử kính trọng người già, quý trọng khách và thể hiện vai trò của người phụ nữ trong gia đình.

Như vậy, nhà sàn Mường không mang giá trị vật chất hiện hữu của mấy ngàn năm lịch sử, thể hiện quá trình tiếp nối, cải biến, sáng tạo lối kiến trúc và thích ứng với tự nhiên mà còn là một không gian tinh thần chứa đựng những giá trị nhân sinh, tín ngưỡng, phong tục, tập quán lâu đời dân tộc Mường.

- **Trang phục:**

+ *Trang phục Nữ:*

Trang phục của người Mường cũng mang một nét đặc trưng riêng biệt, thể hiện sự tỉ mỉ, tinh tế và khéo léo của người phụ nữ. Trang phục của người phụ nữ Mường đã dần trở nên quen thuộc, gây ấn tượng với chiếc váy bó sát thân, cặp váy hoa phở trước ngực, chiếc áo cánh lửng, chiếc áo tròng buộc vạt, thắt lưng xanh, tấm khăn trắng đội đầu, vòng kiềng sáng lấp lánh. Trang phục của người phụ nữ Mường không diêm dúa như trang phục của phụ nữ Thái hay kín đáo như trang phục của người phụ nữ Mông. Bộ nữ phục ấy mang những sắc thái riêng qua đường nét may và màu sắc trang trí.

Về áo, người phụ nữ Mường có hai loại: áo ngắn (áo pắn) và áo dài (áo chùng). Chiếc áo ngắn là áo mặc thường ngày của người phụ nữ Mường, áo may ngắn thân, xẻ ngực. Áo thường thì không có khuy, nếu có là một chiếc khuy bấm ở ngang ngực, cổ áo tròn, ống tay dài tới mu bàn tay và bó sát cánh tay, ở giữa sống lưng có một đường may ghép từ cổ áo xuống tận gấu áo. Áo ngắn được may bằng vải loại thường hoặc lụa với các màu như trắng, hồng, xanh nõn chuối, màu xanh chàm.

Áo chùng tương tự như áo ngắn nhưng được kéo dài xuống ngang đầu gối hoặc dưới gối, phía dưới xòe hơi rộng, hai vạt áo buông tự do tạo cảm giác mềm mại, không cài cúc, không có nút cài như áo chùng của người Thái. Trước đây, áo chùng may bằng vải sợi tự dệt. Ngày nay, phụ nữ Mường còn dùng chất liệu vải mỏng, mềm, nhẹ như lụa, gấm với các màu sắc trang trọng. Chiếc áo chùng truyền thống thường sử dụng là màu xanh đen, tím than. Chiếc áo chùng được người phụ nữ Mường mặc trong những ngày trọng đại của cuộc đời như lễ cưới, lễ hội, các cuộc vui của người phụ nữ Mường. Đối với nhiều phụ nữ Mường, đặc biệt là các mẹ thường mặc áo chùng buông vạt cùng chiếc váy cặp đầu rộng, nẹp gấu in hoa cùng chiếc vòng kiềng bạc càng làm tôn thêm vẻ đẹp của người phụ nữ Mường.

Yếm có hai loại. Loại mặc thường ngày gọi là áo báng, thường dùng màu trắng hoặc màu khác màu, áo ngắn. Loại thứ hai gọi là yếm hoàn toàn giống yếm của phụ nữ Kinh.

Khăn đội đầu bằng vải trắng rộng khoảng 15cm, dài đủ cuốn quanh đầu, khi đội khăn tóc phải búi cao về phía sau gáy. Hiện nay, nhiều phụ nữ Mường có xu hướng thích buông tóc dài hơn là đội khăn, còn những người phụ nữ trung niên và cao tuổi thì chiếc bít tóc truyền thống vẫn là vẻ đẹp riêng của người phụ nữ Mường. Với phong cách không cầu kì như một số tộc người khác như Thái, Mông, váy thường là loại váy kín màu đen, toàn bộ phận được trang trí là đầu váy và cạp váy, khi mặc thì mảng hoa văn nổi lên giữa trung tâm cơ thể.

+ Trang phục Nam:

Không giống như trang phục của nữ giới, trang phục của nam giới Mường đơn giản hơn. Áo của nam cũng có hai loại áo cánh và áo dài.

Áo cánh (áo kếng) may xẻ ngực cài khuy, áo dài chùng mông, cổ đứng, chùng quanh vai là một miếng vải lót hình bán nguyệt, ở giữa sống lưng may ghép hai thân áo thẳng từ cổ áo xuống đến gần gấu áo, áo không xẻ nách tay áo dài tới mu bàn tay.

Với áo dài, nam giới thường mặc lồng một đôi áo chùng. Áo chùng có hai loại, loại trang trọng may bằng vải lụa màu xanh, màu tím hoặc màu vàng, loại thường may bằng vải bông màu đen sẫm, áo dài thường may đến ngang đầu gối, áo cài khuy lệch sang sườn phải, hai bên xẻ tà cao tới ngang hông, cổ áo đứng, áo dài thường được mặc trong lễ cưới.

Quần của nam giới thường may ống rộng và đứng, đũng rộng cắt kiểu chân què, cạp quần rộng, khi mặc dùng sợi dây vải buộc chặt để định vị, quần thường được may bằng vải trắng hoặc nâu, chàm.

+ Trang phục tang lễ:

Trong tang lễ nam giới mặc toàn đồ trắng, áo chùng, hoặc áo cánh màu trắng, khăn tang trắng, đường chỉ may phải lộn trái, gấu áo không để sổ viền, áo không cài khuy mà buộc bằng dây vải, người con trai trưởng phải đeo bên hông bao dao có cả dao, con cháu đều phải mặc đồ tang trắng, con trai, con gái chịu tang bố mẹ phải cắt tóc, sau một năm mới được sửa tóc và nhuộm trang phục.

+ *Trang phục của thầy Mo:*

Gồm áo chùng xanh may rất rộng và dài đến gót chân, tay áo rộng, vạt trái kéo sang sườn phải và cài khuy bên phải, phần dưới cổ áo may rộng và không xẻ tà, quần được may rộng, đứng ống, đứng thấp, khi mặc cặp quần buộc bằng dải rút để định vị, quần màu trắng hoặc màu xanh chàm.

- ***Ẩm thực***

Cũng như các dân tộc trên đất nước Việt Nam, hầu hết các món ăn của người Mường được chế biến từ các nguyên liệu dựa trên trồng trọt, chăn nuôi, săn bắt và hái lượm làm nguồn thực phẩm chính, người Mường sinh sống trong những thung lũng có triền núi đá vôi bao quanh, gần những con sông, suối nhỏ, người Mường trồng lúa trên những thửa ruộng bậc thang hay dưới những chân núi trũng nước, trồng ngô, khoai, sắn trên các nương rẫy thấp, đánh bắt cá tôm ở lòng sông, khe suối, cuộc sống chủ yếu dựa vào thiên nhiên, chính sự che chở của thiên nhiên người Mường đã tồn tại cùng những món ăn, thức uống để từ đó văn hóa ẩm thực Mường đã được khẳng định.

Ngoài săn bắt, hái lượm cung cấp thêm nguồn thức ăn cho người Mường. Giống như hầu hết các cư dân vùng Đông Nam Á, với kỹ thuật canh tác trồng lúa, người Mường từ xa xưa đã hình thành tập quán ăn cơm gạo. Khác với người Kinh, người Mường thường dùng cơm nếp trong bữa ăn hàng ngày của mình, bởi giá trị dinh dưỡng của nó. Cơm tẻ dùng cho người già, khách quý, phụ nữ mang thai hoặc sinh nở. Ngày nay, dù gạo tẻ đã chiếm ưu thế, song dân tộc Mường vẫn giữ được nhiều giống nếp nương quý từ ngàn xưa và vẫn có tục dùng lá cây tự nhiên để nhuộm xôi thành nhiều màu sắc để cúng lên thần linh, tổ tiên, như thể hiện lòng thành kính về các giống lúa mà tổ tiên, cha ông ta từng cấy trồng.

Các món ăn của người Mường rất phong phú, mang đậm bản sắc dân tộc. Các món ăn chủ yếu được chế biến từ các nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên. Người Mường với các món ăn tiêu biểu đặc trưng đó là: món chua (cá chua, rau sắn muối chua, quả đu đủ muối dưa tép, rau cải muối dưa, măng chua) trong góc bếp của mỗi gia đình thường không thể thiếu những món này, món đắng (măng đắng, hoa đu đủ, rau dớn). Những món ăn này không chỉ dùng hàng ngày mà còn là món ăn sử dụng để cúng tổ tiên và trong nhiều nghi lễ dân gian.

Truyền thống của người Mường là thích bày cỗ trên lá chuối trong tất cả những bữa cỗ cộng đồng hay trong gia đình khi giỗ tết. Trong mỗi hoạt động như lễ tết, hội hè, món ăn và cách bài trí đều có những nét riêng, chứa đựng cả yếu tố tín ngưỡng. Với người Mường, phần ngọn và mép lá thường tượng trưng cho Mường sáng - Mường của người đang sống, phần gốc lá và mép lá tượng trưng cho Mường tối - Mường ma của người đã khuất. Chính vì vậy, khi dùng lá chuối bày cỗ, người Mường sử dụng những quy tắc “Người vào, ma ra” để phân biệt. Khi dọn cỗ cho người sống, phần ngọn hướng vào trong, phần gốc hướng ra ngoài, còn khi dọn cỗ cho ma thì ngược lại. Đây là một quy tắc khá nghiêm ngặt không thể vi phạm bởi người Mường tin rằng sự vi phạm sẽ mang lại những điều không may mắn hoặc làm mất lòng khách.

Về đồ uống của người Mường trong nếp sinh hoạt cộng đồng, trong các buổi lễ, tiếp khách không bao giờ thiếu rượu cần. Tục uống rượu cần của người Mường có từ xa xưa. Bình đựng rượu cần là vật gia bảo để càng lâu càng trở nên quý hiếm và là của hồi môn. Để có được một bình rượu cần ngon thì từ cách làm đến cách uống cũng phải thật công phu và mang tính nghệ thuật cao. Tục uống rượu cần không chỉ thể hiện nét đẹp trong văn hóa ẩm thực mà còn là nét đẹp trong văn hóa ứng xử, thể hiện sự tinh tế và tính cố kết cộng đồng.

Trong cuộc sống hàng ngày người Mường thường sử dụng các lá cây rừng vừa để làm nước uống, vừa có tác dụng chữa bệnh, có lợi cho sức khỏe như lá vối, nhân trần, lá chè tươi, hà thủ ô...

Văn hóa phi vật thể, văn hóa tinh thần

Văn hóa phi vật thể được hiểu là toàn bộ những giá trị văn hóa biểu hiện các hoạt động về lễ hội, trò chơi dân gian, tôn giáo tín ngưỡng, phong tục tập quán trong đời sống các cộng đồng tộc người. Trong đời sống các dân tộc ở nước ta, văn hóa tinh thần được biểu hiện ở các tôn giáo, hay các tín ngưỡng dân gian gắn với các hiện tượng tự nhiên, các biểu hiện về một ước muốn cuộc sống yên bình, tốt lành của các cư dân nông nghiệp trồng trọt: thờ thành hoàng làng, tục thờ đất, thờ đá, thờ cây, tục thờ quả, tục thờ mó nước, thờ động vật, thờ cúng tổ tiên, bên cạnh đó là các biểu hiện về văn hóa dân gian, các điệu múa, công chiêng, văn học, dân ca

cúng bái thần linh, cũng như những quan niệm tư tưởng triết lý về vũ trụ và nhân sinh của các cộng đồng tộc người trong đó có dân tộc Mường.

- Tôn giáo, tín ngưỡng:

Lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng có một sức sống âm thầm và mãnh liệt trong sinh hoạt tinh thần của các cộng đồng dân cư, với dân tộc Mường cũng không nằm ngoài quy luật đó. Tín ngưỡng dân gian từ ngàn xưa đã ăn sâu bám rễ và được truyền qua nhiều thế hệ, hiện diện trong đời sống như một phần không thể thiếu trong đời sống của mỗi dân tộc trong đó có dân tộc Mường.

Trước khi tiếp xúc với văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa, người Việt cổ chưa hình thành tôn giáo mà chỉ có tín ngưỡng dân gian, các hình trang trí trên trống đồng Đông Sơn đã phản ánh các nghi lễ tôn giáo thời ấy trong đó mô tả rất nhiều về hình ảnh một loài chim, mà cụ thể ở đây là chim lạc. Cho nên, các nhà sử học tin rằng chúng là đối tượng được người Việt cổ tin thờ bên cạnh đó là con rồng cũng xuất hiện trong nhiều các sản phẩm nghệ thuật, mỹ thuật Việt Nam. Ngoài ra, các đối tượng tự nhiên khác như động vật, núi, sông biển cũng được người Việt tôn làm thần bảo vệ, mang lại may mắn cho con người. Trong văn hóa Mường ảnh hưởng của tôn giáo khác không rõ ràng. Theo số liệu thống kê ngày 1/4/2009, tỉnh Hòa Bình có hai tôn giáo chính là Phật giáo và Công giáo, ngoài ra cũng có một số tôn giáo khác như Đạo giáo, Đạo mẫu và Tin lành. Các tôn giáo này phân bố rải rác không đều giữa các huyện trong tỉnh, còn tín ngưỡng dân gian lại ăn sâu bám rễ vào trong nếp nghĩ, biểu hiện sinh hoạt, phong tục, tập quán, lễ tết, lễ hội. Triết lý Âm- Dương tuy chưa hình thành một cách hoàn chỉnh song Triết lý Âm - Dương lại biểu hiện sinh động trong đời sống xã hội Mường.

Ví dụ: trong quan niệm về vũ trụ, trong nghi lễ thờ cúng, trong sinh hoạt hàng ngày cũng giống như bất kỳ dân tộc nào trên đất nước Việt Nam bằng trực cảm, người Mường cũng đã nhận thấy có thế giới trên cao (trời) và thế giới dưới thấp (đất). Trời và đất tạo nên sự sống cho muôn loài, đi vào cụ thể chúng ta có thể thấy cái nhìn vũ trụ của người Mường cũng có những nét riêng, nét độc đáo, Triết lý Âm – Dương dường như thấm sâu vào từng quan niệm trong đó quan niệm về vũ trụ đó là “Ba tầng, bốn thế giới”.

Ba tầng vũ trụ bao gồm: 1. Tầng trời (hay Mường Trời), nơi ở của các vị thần thiêng liêng, mà cao nhất là vua trời; 2. Tầng mặt đất (Mường pua) là nơi sinh sống của con người và người chết; 3. Tầng dưới mặt đất (Mường pua tìn) và dưới nước.

Bốn tầng thế giới:

1. Thế giới trên cao (Mường trời)
2. Thế giới dưới thấp – mặt đất (Mường pua)
3. Thế giới dưới mặt đất (Mường pua tìn)
4. Thế giới dưới nước (Mường khú) Mường đáy nước, nơi ngự trị của “vua khú”

Trong quan niệm vũ trụ “ba tầng và bốn thế giới” thì “Mường pua” thể hiện cho gia đình, ruộng vườn, làng xóm, con người là quan trọng nhất, giữ vị trí trung tâm, mọi sự vật đều liên hệ với thế giới khác đều bắt đầu từ Mường pua, mọi thế giới đều qui tụ về Mường pua, đây là cái nhìn duy vật thuần phác của người Mường.

Tục thờ cây: Thờ cây là một tín ngưỡng của cổ xưa. Người xưa cho rằng, “vạn vật hữu linh” coi mọi sự vật đều có sinh mệnh và linh hồn, người Mường thường thờ nhiều loại cây, quả mà tiêu biểu ở đây như cây si, mía, thờ bông lúa, thờ quả bí.

Trong sử thi *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường đã dành một chương nói về cây si được ví như thần, cội nguồn của sự sống. Con người được sinh ra từ rễ của cây si. Cây si là một vị thần từ đây chúng ta có thể liên tưởng đến truyện “đẻ trăm trứng” trong hệ thống huyền thoại mở nước của dân tộc, ngoài ra cây si mới đẻ ra đất, nước, trời biển và muôn loài.

Tiếp đến là cây mía, cây lúa cũng là giống cây có hồn nên được thờ cúng. Cây mía trong tín ngưỡng của người Mường có ý nghĩa về sự sinh sôi vừa mang ý nghĩa cầu mong sức khỏe và sự trường thọ. Mỗi khi tết đến, xuân về trong các gia đình người Việt có tục đặt đôi cây mía ở bàn thờ làm “gậy cho các cụ” đã thể hiện sự nối tiếp tục thờ cây mía ở văn hóa Mường.

Tục thờ lúa, cây lúa cũng có vía, nếu gia đình nào biết giữ vía lúa thì vía lúa mẹ sẽ gọi “vía lúa con” về nương sinh sôi nảy nở, mùa màng tốt tươi, gia đình no

đủ. Ngày nay, tục thờ vía lúa vẫn được duy trì trong các gia đình người Mường đặc biệt là tháng 10 âm lịch. Người Mường tổ chức lễ cơm mới sau khi thu hoạch vụ mùa, lễ vật là cá và bánh chưng để cúng vía lúa. Trong lễ cơm mới này, người Mường cúng giỗ cha mẹ, ông bà. Ngoài ý nghĩa tâm linh, thờ vía lúa còn nhắc nhở những thế hệ con cháu biết trân trọng những thành quả lao động giữ gìn hạt giống tốt cho mùa sau.

Tục thờ quả: Tục thờ quả của người Mường có ý nghĩa tượng trưng cho sự sinh sôi. Trong tâm thức của người Mường, quả bầu có một vị trí quan trọng, Người Mường quan niệm, quả bầu có rất nhiều hạt. Mỗi hạt khi gieo xuống mọc lên một cây và cho rất nhiều quả mới. Vì vậy, mỗi khi làm lễ về nhà mới, bao giờ người Mường cũng có một quả bầu để dựa vào cột cái của ngôi nhà. Khi đặt quả bầu ở trong nhà mới còn thể hiện khát vọng về cuộc sống, yên bình, thịnh vượng, no ấm, sung túc.

Tín ngưỡng thờ đá: Người Mường thường thờ những hòn đá có hình thù kỳ lạ, liên tưởng đó là các vị thần, vị thánh đã giúp con người chinh phục thiên nhiên. Tục thờ đá được thể hiện rõ nét nhất ở trong lễ mừng nhà mới với các ông đầu rau, thờ các vị chủ thần thổ địa tại chùa Khánh (Cao Phong), ba hòn nục đều bằng đá, chạm đầu vào nhau hàm ý để giữ lửa.

Tín ngưỡng thờ mớ nước (vó rác): Nguồn nước mạch có vị trí đặc biệt quan trọng đối với đời sống của người Mường, hàng năm cứ vào dịp cấy lúa hoặc khi thời tiết không thuận lợi, người dân lại tổ chức lễ cúng cầu mưa thuận gió hòa để việc trồng cấy, canh tác được thuận lợi.

Tín ngưỡng thờ tổ tiên: Cũng giống như người Kinh, người Mường cũng thờ cúng tổ tiên, tuy nhiên các nghi lễ cúng không thường xuyên như người Kinh, người Mường chủ yếu tổ chức cúng lễ vào các dịp Tết nguyên đán, mừng cơm mới, ngày làm vía, ngày cầu mát.

Người Mường lập bàn thờ và đặt các bát hương cho đến bốn đời. Tùy thuộc vào hoàn cảnh kinh tế của mỗi gia đình mà người ta làm các bàn thờ, đồ thờ to nhỏ, cầu kì hay đơn giản, bàn thờ được bố trí ở vị trí trang trọng nhất trong ngôi nhà. Ngoài bàn thờ chính thờ tổ tiên, bên trái có thể có bàn thờ khác thờ những người

chết không con, điều kiêng kị là không được nằm hướng chân về phía bàn thờ từ các phía trong nhà, ngày giỗ là ngày chôn cất, không phải là ngày chết.

Tín ngưỡng thờ thành hoàng làng: Thờ thành hoàng làng là một trong những tín ngưỡng phổ biến của người Mường. Theo quan niệm của người Mường, thành hoàng làng được coi là vị thần bảo trợ cho chung cả bản Mường, là những nhân vật được thần thánh hóa hoặc những người có công xây dựng bản Mường. Thành hoàng làng có thể là một hay nhiều vị được thờ tại quán, miếu hay đền.

Ngoài thánh Tản Viên là một nhân vật nổi tiếng được thờ khắp vùng Mường, các thành hoàng cụ thể ở từng nơi đều có lý lịch phong phú và đa dạng chẳng hạn Bà Chúa Thác Bờ. Bà Chúa Thác Bờ tên thật là Đinh Thị Vân, con gái một gia đình tộc trưởng người Mường ở Kim Bôi. Bà Chúa xưa vốn là tiên nữ, đầu thai vào nhà họ Đinh. Sau này đất nước gặp cơn loạn lạc, bà đã cùng nhân dân Mường đứng lên đánh đuổi quân xâm lược. Bà được giao cho cai quản vùng đất Mường Hòa Bình, bà đã giúp dân ổn định cuộc sống, làm nương rẫy, xuống sông đánh bắt cá.

Dân Mường Vang thuộc xã Cộng Hòa, Lạc Sơn thờ ông Quách Đốc. Ông Quách Đốc tự xưng là vua đất Mường Vang nên bị triều đình tức giận tìm cách lừa lên kinh thành và chặt đầu, tuy vậy, ông không chết ở kinh thành mà ôm đầu chạy về đến Mường Vang mới tắt thở, vì thế dân làng lập đền thờ ông.

Dân Mường Chiềng, Mường Tôm (Tân Lập, Lạc Sơn) lại thờ một cái đầu lâu không rõ tung tích, trôi theo dòng suối được lũ trẻ chăn trâu nhặt đặt lên gò thờ. Bọn trẻ thách đố nhau một bên cầu khẩn và ứng nghiệm mà thắng, sau đó nhà lang biết chuyện bèn lập miếu thờ ở Đầm Đụn. Hầu hết nhân dân các vùng Mường Hòa Bình đều xác nhận, xưa kia ở các làng, xóm đều có miếu thờ thành hoàng. Một số nơi thờ những vị thần có những điểm tương đồng như vết tích của người Kinh như ở đền Vó Xăm (Yên Trị, Yên Thủy) thờ hai vị thần Trương Hồng và Trương Hát, điều đó chứng tỏ sự gần gũi giữa người Mường và người Việt (Kinh).

- Lễ hội:

Bản chất văn hóa của một vùng dân tộc thường được biểu hiện rõ nhất là ở các lễ hội, ở đó tất cả mọi hoạt động lễ nghi, phong tục tập quán sinh hoạt văn hóa, những tài năng được bộc lộ toàn diện đầy đủ. Trong những năm gần đây chúng ta đã được tiếp cận và giới thiệu về rất nhiều lễ hội. Khi mà dòng chảy văn hóa ngoại

lai từ các nền văn minh trên thế giới xâm nhập một cách ồ ạt, các lễ hội của các dân tộc thiểu số vẫn chưa được quan tâm và lưu ý đúng với trữ lượng phong phú và nội dung hấp dẫn của nó. Các lễ hội của cư dân ở Hòa Bình cũng không nằm ngoài quy luật đó. Trong một năm, người Mường thường tổ chức rất nhiều lễ hội. Các lễ hội của người Mường thường diễn ra vào dịp bắt đầu vụ thu hoạch, sau khi thu hoạch hay vào thời điểm giao thời chuyển mùa, năm mới, lễ hội như xuống đồng (khuống mùa), hội xéc bùa, lễ hội cầu mùa, lễ hội cầu mưa, lễ hội cơm mới, lễ hội đình cỏi, lễ hội chùa tiên, lễ hội đèn và miếu trung báo, lễ hội đèn bờ.

+ *Lễ hội sắc bùa (xéc bùa)*: Sắc bùa còn gọi là xéc bùa có nghĩa là xách công chiêng đi hát của các phường bùa. Hội sắc bùa là lễ hội lớn của dân tộc Mường nói chung và người Mường ở tỉnh Hòa Bình nói riêng, diễn ra hàng năm vào dịp tết cổ truyền. Đây là một hình thức diễn xướng dân gian gắn với một số nghi lễ trong nông nghiệp nhằm cầu mong một năm mới phát tài, thịnh vượng, đất đai màu mỡ, mùa màng bội thu, mọi người có nhiều sức khỏe và may mắn trong cuộc sống.

+ *Lễ hội công chiêng*: Công chiêng có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa, tinh thần của người Mường Hòa Bình. Trong các lễ hội cổ truyền của người Mường, lễ hội công chiêng là lễ hội tiêu biểu, mang sắc thái văn hóa truyền thống Mường hơn cả. Lễ hội công chiêng của người Mường diễn ra từ 15 tháng giêng đến 15 tháng hai thậm chí kéo dài đến hết tháng ba. Lễ hội công chiêng là nơi diễn ra sinh hoạt văn hóa công chiêng giữa các địa phương.

Lễ hội công chiêng diễn ra ở khắp nơi song tổ chức thường xuyên có quy mô lớn tiêu biểu hơn cả là ở Mường Bi, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Địa điểm diễn ra lễ hội thường là bãi đất rộng bằng phẳng được bao bọc xung quanh là núi cao. Sở dĩ người Mường chọn địa điểm này là vì bãi đất phẳng để các hoạt động được diễn ra một cách dễ dàng hơn, còn vách núi bao bọc xung quanh được ví như một nhà hát tự nhiên tạo nên sự cộng hưởng. Sau khi mọi thủ tục đã được chuẩn bị hoàn tất, thầy Mo làm lễ cúng tế trên một cái chiếu ở giữa sân, để trình báo với thần linh lễ hội bắt đầu. Mở đầu lễ hội là các bài công diễn chung sau đó là những bài công dự thi của từng bản Mường. Lễ hội công chiêng diễn ra trong không khí vui vẻ đoàn kết. Có thể nói, lễ hội công chiêng là nét đặc sắc nhất trong văn hóa cổ truyền của

dân tộc Mường bởi người Mường từ khi sinh ra cho đến lúc mất đi mọi hoạt động đều gắn với tiếng công, tiếng chiêm.

+ *Lễ hội cầu mưa*: Vào những năm thời tiết khô hạn kéo dài hay mùa mưa đến muộn, mong nước về để canh tác, để ải, người Mường thường tổ chức lễ hội cầu mưa. Trong tín ngưỡng dân gian của người Mường có tục thờ con ma khú (thường luông). Đây là con vật lấy nước về cho dân bản Mường cấy lúa, sinh hoạt. Người Mường chọn một mó nước để tổ chức lễ hội, sau khi thầy mo cúng xong, người dân kéo đến lấy đá ném xuống mó nước bởi trong quan niệm của người Mường, thời tiết khô hạn, mùa mưa đến muộn là do con ma khú ngủ quên, không đi lấy nước cho cả bản nên họ phải ném đá gọi nó dậy cùng tiếng hò reo và cho nó ăn.

- Trò chơi dân gian

Cũng như nhiều dân tộc khác, người Mường cũng có các trò chơi dân gian – một hình thức sinh hoạt văn hóa tốt đẹp từ lâu đời. Đối với người Mường, trò chơi dân gian gắn bó mật thiết trong đời sống của họ. Vào ngày hội, ngày xuân hay buổi chiều sau một ngày làm việc vất vả, hoặc vào những đêm trăng tại các bản làng của người Mường thường diễn ra nhiều trò chơi. Những trò chơi dân gian rất gần gũi với tất cả mọi người như đẩy gậy, đánh mông, bắn nỏ, đánh đu, cò le, chơi ném còn, chơi cà kheo... Tùy thuộc vào từng trò chơi mà người tham gia có thể là trẻ em hay người lớn. Theo các nhà nghiên cứu, trò chơi dân gian là một mảng quan trọng trong di sản văn hóa phi vật thể của người Mường. Các trò chơi dân gian ngoài mục đích chính là giải trí còn có mục đích rèn luyện thể lực, trí óc, giáo dục con người.

- Văn học nghệ thuật dân gian

+ *Văn học*: Hòa Bình - mảnh đất Tây Bắc với một nền văn hóa đa dạng và phong phú trong đó phải kể đến mảng văn học nghệ thuật. Có thể nói, với một kho tàng văn học nghệ thuật dân gian phong phú, với những giá trị được chắt lọc, sáng tạo từ cuộc sống hàng ngày, truyền từ đời này sang đời khác, văn học dân gian của dân tộc Mường nổi tiếng với những áng mo đồ sộ. Đây là loại hình văn hóa dân gian nổi bật độc đáo có giá trị nhân văn sâu sắc, là món ăn tinh thần trong cuộc sống của người Mường. Trong lịch sử hàng ngàn năm, Mo Mường đã góp phần hình thành nuôi dưỡng cốt cách, tâm hồn các thế hệ, từ quá khứ đến hiện tại, người Mường đã lưu giữ, truyền miệng và phát huy một cách bền vững những giá trị Mo

Mường, tạo nên bản sắc, sức sống và sức lan tỏa sâu rộng của di sản văn hóa vô cùng quý giá này.

Kho tàng truyện cổ tích của người Mường phong phú được người Mường kể cho nhau nghe, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ở mỗi một vùng Mường, người ta có những câu truyện liên quan đến từng địa điểm cụ thể, nhân vật hay hiện tượng tự nhiên riêng của từng vùng, mỗi một câu truyện của người Mường đều thể hiện khát vọng mong muốn về một cuộc sống no đủ, tươi đẹp, về tình yêu đôi lứa, mong mưa thuận gió hòa. Người Mường nổi tiếng với áng Mo sử thi “*Đẻ đất, đẻ nước*”. Đây là một tác phẩm đồ sộ với nội dung phản ánh toàn bộ tư duy của người Mường về sự hình thành vũ trụ, con người và vạn vật xung quanh. Ngoài ra, người Mường còn là chủ nhân của những sáng tác dân gian với hệ thống ca dao tục ngữ, truyện thơ, hát bộ miệng, hát đồng dao. Tất cả những sáng tạo này thể hiện trình độ nhận thức, suy nghĩ của người Mường.

+ *Nghệ thuật dân gian*

Nghệ thuật công chiêng:

Công chiêng của người Mường là một nhạc cụ truyền thống đặc sắc, gắn bó với mỗi người Mường từ khi lọt lòng mẹ đến khi qua đời. Công chiêng của người Mường được sử dụng trong các dịp lễ tết, trong đám cưới, đám ma, hát xéc bùa, hay các đoàn đi săn.

Một dàn chiêng hoàn chỉnh, đầy đủ bao gồm 12 chiếc. Ngoài ý nghĩa về âm nhạc, dàn chiêng đầy đủ còn mang ý nghĩa khác đó là biểu tượng cho 12 tháng trong một năm, tính theo vòng quay của mặt trăng, là sự giao thoa của bốn mùa để bắt đầu từ con số 1. Bên cạnh chiêng, người Mường còn có các nhạc cụ khác như trống, sáo, cò ke, kèn gổ,.. Những loại nhạc cụ này dùng trong các nghi lễ, trong sinh hoạt, lao động sản xuất.

Nghệ thuật múa:

Trong hoạt động nghệ thuật dân gian truyền thống, hoạt động diễn xướng của người Mường trong các nghi lễ, lễ hội và đời thường luôn kèm theo các điệu múa. Nói đến nghệ thuật múa phải kể đến nghệ thuật múa tín ngưỡng môi. Trong nghi lễ này, múa và nhạc đóng vai trò quan trọng, người làm môi phải nhập vào vai diễn phù hợp với tính cách. Ngoài ra còn có các hình thức múa dân gian khác như:

múa cờ, múa quạt ma, đập nòng khót,... Hầu hết các điệu múa là dạng diễn xướng nghi lễ phong tục và có các tính chất trò diễn trong các ngày hội Mường.

1.2. Tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở nước ta hiện nay

Công cuộc đổi mới đất nước đã trải qua 30 năm, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đến nay 18 năm. Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng, bản sắc văn hóa của một dân tộc đó là di sản vô cùng quý giá, bản sắc văn hóa đó là những tinh hoa, cốt lõi và đó cũng chính là linh hồn của mỗi dân tộc.

Nói đến con người Việt Nam, bản sắc văn hóa Việt Nam hoàn toàn không có nghĩa là nói đến một cái gì đó đã trở thành khuôn mẫu, cố định bất biến, trái lại như chúng ta đã biết đây là một khái niệm động, nó không ngừng vận động phát triển để từ đó hoàn thiện nâng cao, nhờ có cái nhìn toàn diện mở, sáng tạo rất biện chứng tự trang bị cho mình đã trở thành truyền thống và làm nên sức sống mãnh liệt, mang tính độc đáo của văn hóa Việt Nam suốt mấy nghìn năm lịch sử.

Việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc và củng cố tính cố kết cộng đồng các dân tộc vì sự phát triển chung cho các dân tộc Việt Nam, đây là một trong những nội dung cơ bản của chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta trong thời kì hội nhập hiện nay, xuất phát từ quan niệm coi việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tạo nên bản sắc riêng của mỗi dân tộc, đây được coi là vấn đề trung tâm của chính sách dân tộc về văn hóa.

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là giữ gìn tất cả những yếu tố tích cực trong bản sắc văn hóa dân tộc; khắc phục, loại bỏ những yếu tố không thích hợp trong bản sắc văn hóa dân tộc; phát huy những yếu tố tích cực của bản sắc văn hóa dân tộc cho phù hợp với yêu cầu của thời đại. Vì vậy, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, trong đó có dân tộc Mường là một việc làm hết sức quan trọng và cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

1.2.1. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường là để sử dụng tốt hơn nguồn nội sinh của đất nước

Bản sắc văn hóa dân tộc hình thành trong lịch sử lâu dài của một dân tộc, được đúc kết từ kinh nghiệm sống, được lưu truyền qua nhiều thế hệ, gắn bó máu thịt với con người. Nó là những gì thiêng liêng, quý giá, tạo nên cái đặc trưng riêng của một dân tộc. Bản sắc dân tộc tồn tại một cách khách quan nhưng đòi hỏi con người phải biết giữ gìn, bảo lưu. Nó có thể được biểu hiện ra bề ngoài nhưng cũng có thể ẩn sâu trong tâm hồn con người. Bản sắc văn hóa dân tộc vừa khắc họa chân dung dân tộc vừa sáng tạo nên cái riêng không thể trộn lẫn vừa tạo nên những nhân tố nội lực quan trọng thúc đẩy dân tộc phát triển. Đánh mất bản sắc dân tộc là sự đoạn tuyệt với chính nguồn nội lực, nội sinh của dân tộc.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa của riêng mình, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của dân tộc đó. Nền văn hóa đặc sắc của người Mường gắn với sự mộc mạc và giản dị, cùng trường ca “*Đẻ đất đẻ nước*” đã được trao truyền qua bao thế hệ, để ngày nay mang trong mình một sức sống mạnh mẽ, lâu bền. Cùng các dân tộc anh em, người Mường cùng nhau xây dựng bản làng, phát triển đời sống văn hóa tinh thần, xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no hạnh phúc và phát triển đất nước giàu mạnh. Ngày nay, khi nền kinh tế phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng thì mỗi dân tộc trong 54 cộng đồng anh em trong đó có dân tộc Mường đều cần có cả nguồn nội lực và ngoại lực, trong đó nội lực đóng vai trò quan trọng, cũng như giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường sẽ góp phần khẳng định nguồn nội sinh, trên cơ sở đó đưa ra những phương hướng và phát huy hiệu quả nguồn lực nội sinh. Chúng ta không phủ nhận những ảnh hưởng tích cực từ bên ngoài, nhưng để có những chính sách cũng như phương hướng phù hợp thì phải xuất phát từ nhân tố bên trong. Bản sắc văn hóa dân tộc Mường với các đặc điểm đã trình bày ở trên là một trong những nguồn nội lực của dân tộc ta. Vì vậy, việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Mường chính là sự khai thác và phát huy sức mạnh nội sinh của đất nước.

1.2.2. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường là để củng cố và phát triển ý thức dân tộc, nâng cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc

Bản sắc văn hóa dân tộc Mường, không phải tự nhiên mà có, mà nó được hình thành bởi con người của chính dân tộc đó. Dựa trên cơ sở của điều kiện tự nhiên, xã hội, lịch sử của dân tộc, dân tộc Mường giữ gìn bản sắc văn hóa để khẳng định sự tồn tại của mình bên cạnh các dân tộc khác. Điều đó thể hiện bản lĩnh dân tộc, tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Ngày nay, khi quá trình giao lưu, hợp tác quốc tế diễn ra nhanh chóng, tính toàn cầu hóa tăng lên chi phối toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, không ít yếu tố dân tộc bị phai nhạt. Thực trạng này đã dẫn đến những tư tưởng mơ hồ về ý thức dân tộc, làm giảm niềm tự hào về truyền thống lịch sử của dân tộc và là một sự nguy hại đối với dân tộc và nguy hiểm hơn là quá trình đánh mất chính mình.

Vì vậy, việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc sẽ làm cộng đồng dân cư, đặc biệt là các thế hệ trẻ ngày nay hiểu được truyền thống, lịch sử của dân tộc mình, và từ đó khơi dậy niềm tự hào trong thế hệ trẻ, giúp họ nâng cao bản lĩnh sống, đứng vững trước những cám dỗ, những tác động từ bên ngoài, đặc biệt là những văn hóa ngoại lai đang xâm nhập vào nước ta.

Như chúng ta đã biết, phát triển là nhu cầu của mọi dân tộc và đó cũng là xu thế vận động của xã hội loài người. Đối với mỗi dân tộc, sự phát triển không phải bằng mọi giá mà phát triển ở đây gắn liền với bền vững, phát triển nhưng phải giữ được mình, đây cũng là mục tiêu và cũng là nhiệm vụ của mỗi dân tộc, hội nhập, phát triển, hòa nhập nhưng không bị hòa tan. Việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc không mâu thuẫn với phát triển, trái lại nó khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh nguồn lực thúc đẩy dân tộc phát triển.

1.2.3. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường là góp phần tạo nền tảng cho hội nhập hợp tác phát triển bền vững

Bản sắc văn hóa dân tộc là đặc điểm nổi bật của dân tộc ta. Trong nền kinh tế mở như nước ta hiện nay chúng ta luôn có xu hướng trao đổi, giao lưu với các nước trên thế giới trên rất nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực văn hóa. Ngoài văn hóa bản địa, chúng ta cũng không tránh khỏi việc văn hóa ngoại lai du nhập. Việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kì hội nhập là hết sức cần thiết,

điều đó đã giúp chúng ta hòa nhập chứ không bị hòa tan, không mất đi cái gốc, cái truyền thống của mình. Bên cạnh việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, chúng ta tiếp thu những nét tinh hoa trong văn hóa các nước làm cho đời sống tinh thần của chúng ta ngày càng phong phú hơn nhưng không quên đi truyền thống văn hóa của dân tộc mình.

Ở dân tộc Mường, hai yếu tố truyền thống và hiện đại luôn tương hỗ với nhau, quá trình hiện đại hóa chỉ có thể thành công khi mà bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và ngược lại, bản sắc văn hóa dân tộc chỉ có thể được phát huy trong một đất nước được hiện đại hóa. Việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc góp phần làm cho dân tộc ta tiến kịp với những chuyển biến của thời đại. Do đó, con đường vận động và phát triển của lịch sử dân tộc cũng chính là con đường hình thành và khẳng định của bản sắc văn hóa dân tộc. Nếu một dân tộc phát triển mà đánh mất bản sắc của riêng mình, thì sự phát triển đó sẽ chẳng còn ý nghĩa gì với một dân tộc, nhưng một dân tộc cũng không thể phát triển bền vững nếu chỉ dập khuôn máy móc cái bên ngoài hoặc bê nguyên xi cái cũ của mình.

Ngày nay, trong quá trình phát triển của dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc cần phải kết hợp với việc mở rộng giao lưu quốc tế, biết tiếp thu chọn lọc, gạt bỏ những cái lỗi thời trong phong tục tập quán, các lễ thói cũ, để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc một cách sáng tạo và linh hoạt, phải biết kết tinh lại và nâng lên tầm cao mới, mọi giá trị truyền thống của dân tộc và những nhân tố mới của thế giới. Làm được như vậy, dân tộc ta mới phát triển kịp với thời đại. Chính vì vậy, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường là góp phần để đất nước ta hội nhập và phát triển một cách vững chắc.

1.2.4. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường nhằm thực hiện tốt mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Trong quá trình phát triển, mỗi quốc gia đều có những mục tiêu của riêng mình. Để thực hiện được những mục tiêu đó, mỗi quốc gia đều có các biện pháp và cách thức khác nhau. Cho dù bằng con đường hay bất cứ biện pháp nào thì việc khơi dậy niềm tự hào, dựa vào chính sức của mình giữ vững nền độc lập, tự chủ dân tộc vẫn là nhiệm vụ hàng đầu. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa giữ gìn bản sắc dân tộc với việc thực hiện các mục tiêu phát triển là nhiệm vụ quan trọng nhưng

cũng là vấn đề khó khăn của tất cả các quốc gia. Phát triển nhanh mà đánh mất đi bản sắc văn hóa dân tộc thì đó không được coi là phát triển bền vững, mà ngược lại giữ gìn bản sắc dân tộc mà không phát triển thì dân tộc cũng không thể tồn tại được và bản sắc văn hóa đó cũng không thể tồn tại được và bản sắc văn hóa đó cũng không có giá trị đối với dân tộc.

Việt Nam có 54 dân tộc với 54 sắc màu văn hóa khác nhau tạo nên một nền văn hóa đa dân tộc. Văn hóa của từng dân tộc tạo nên từng nét riêng biệt nhưng cũng hòa với những nét chung với nền văn hóa đa dân tộc, tạo nên sự kết tinh của những giá trị văn hóa của các dân tộc khác nhau trong cùng một quốc gia, đồng thời cũng tạo nền tảng cho sự giao lưu năng động giữa các nền văn hóa dân tộc, tạo nên sự phong phú của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cho nên, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của từng dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong đó có dân tộc Mường đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu phát triển của đất nước.

Bản sắc văn hóa dân tộc Mường cũng giống như bất kì bản sắc văn hóa dân tộc nào có cả những mặt tích cực và tiêu cực, dù mặt tích cực chiếm ưu thế cơ bản. Có những đặc điểm tuy không phải chỉ có ở dân tộc Mường, song đã được cộng đồng tộc người này thể hiện và phát huy trong môi trường tự nhiên và xã hội của dân tộc mình.

Với cách nhìn và nhận thức sâu sắc về bản sắc văn hóa dân tộc Mường như trên, chúng ta cần quan niệm rằng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường là bảo tồn các đặc điểm tích cực trong bản sắc văn hóa dân tộc Mường, làm cho các đặc điểm đó tốt hơn, phong phú hơn, đồng thời loại bỏ những cái cũ, lỗi thời lạc hậu.

Từ những quan niệm như trên về bản sắc văn hóa dân tộc Mường thì việc giữ gìn và phát huy nó có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của dân tộc ta, sở dĩ nói như vậy, là vì điều đó giúp chúng ta củng cố và phát triển ý thức dân tộc, nâng cao được tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, phát huy tốt hơn nữa sức mạnh của đất nước, giúp cho đất nước ta phát triển hội nhập bền vững của đất nước, giúp cho đất nước ta phát triển hội nhập bền vững góp phần vào thực hiện mục tiêu phát

triển của đất nước là xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Chương 2

GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC MƯỜNG Ở HÒA BÌNH HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

2.1. Điều kiện nảy sinh và tồn tại ảnh hưởng đến việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay

2.1.1. Điều kiện môi trường tự nhiên

- Vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên.

Hòa Bình là một tỉnh nằm ở cửa ngõ Tây Bắc tiếp giáp đồng bằng Sông Hồng ở cả ba mặt Bắc – Đông – Nam thông qua nhiều tuyến giao thông đường thủy, đường bộ nối liền với các tỉnh. Hòa Bình phía Bắc giáp với tỉnh Phú Thọ, phía Nam giáp với các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình, phía Đông và Đông Bắc giáp với thủ đô Hà Nội, phía Tây, Tây Bắc, Tây Nam giáp với Sơn La, Thanh Hóa.

Với vị trí nằm ở cửa ngõ Tây Bắc nên Hòa Bình có địa hình phong phú, đa dạng, hấp dẫn khách du lịch bởi những đặc điểm như: địa hình có độ cắt xẻ mạnh và dốc theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, có thể chia thành hai vùng cảnh quan, *một là* rừng rậm nối tiếp giữa dãy Hoàng Liên Sơn và Trường Sơn trải dài từ huyện Đà Bắc qua Tân Lạc, Lạc Sơn đến Mai Châu, *hai là* vùng đồi núi thấp của Huyện Tân Lạc, Lạc Sơn, Kỳ Sơn và toàn bộ Huyện Kim Bôi, Lương Sơn, tiếp đến trong địa hình vùng núi thấp còn có địa hình gò, xen kẽ các cánh đồng, phân bố ở khu vực Đông Nam gồm các huyện Yên Thủy, Lạc Thủy và một số xã vùng thấp của huyện Lạc Sơn, Kim Bôi.

Địa hình tỉnh Hòa Bình chủ yếu là rừng xen kẽ giữa các sườn núi, bị chia cắt bởi nhiều thung lũng và nhiều con sông, con suối lớn nhỏ, có nhiều thung lũng trải dài thành những cánh đồng tương đối bằng phẳng, phì nhiêu.

Với những điều kiện địa hình và vị trí địa lý như vậy, khí hậu nơi đây mang yếu tố nhiệt đới ẩm gió mùa, một năm có 4 mùa, tuy nhiên rõ rệt hơn cả là sự thể hiện hai mùa: mùa khô và mùa mưa. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4, nhiệt độ trung bình hàng năm là 24⁰c lượng mưa trung bình hàng năm là 1900 mm và tháng mưa nhiều nhất vào tháng 7 và tháng 8 và ít nhất là tháng 11 và 12. Do địa

hình chia cắt mạnh độ chênh lệch cao và kéo dài nên tạo ra nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau.

Tài nguyên nước ở Hòa Bình cũng rất phong phú, đặc biệt là hệ thống sông suối nổi tiếng như Sông Đà, Sông Bôi. Cũng từ hệ thống sông nước này đã tạo cho Hòa Bình có những cảnh quan đặc biệt đó là đập thủy điện Hòa Bình với vùng lòng hồ, nước khoáng Kim Bôi là nguồn tài nguyên thiên nhiên ban tặng cho con người nơi đây.

Tài nguyên đất là một trong những loại tài nguyên quý giá, là cội nguồn của sự sống, trong đó có cả con người. Ở Hòa Bình có hai loại đất là đất feralít và đất phù sa. Đất feralít mùn trên núi thích hợp để trồng cây lâm nghiệp và các loại cây đặc sản; đất feralít phát triển trên đá trầm tích thích hợp trồng cây ngắn ngày, cây ăn quả; đất phù sa tập trung ở Đồng Bằng và thung lũng sông, suối thích hợp để trồng lúa.

Tất cả các yếu tố như sông, núi, đồng bằng, thung lũng đã hòa quyện với nhau để tạo nên một Hòa Bình với những cảnh quan tuyệt đẹp. Khí hậu có sự phân hóa rõ rệt. Với những đặc điểm điều kiện tự nhiên này đã tạo nên vùng đất thích hợp với cuộc sống của đồng bào các dân tộc, con người và núi rừng đã tạo nên những bản sắc văn hóa Hòa Bình riêng biệt và độc đáo.

- *Địa bàn dân cư và phân bố dân cư.*

Hòa Bình luôn tự hào là cái nôi của nền văn hóa Hòa Bình, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển loài người. Đây là nền văn hóa của cư dân Hòa Bình, nền văn hóa nông nghiệp sơ khai cách đây hàng vạn năm, điều đó được minh chứng bằng một loạt các di chỉ khảo cổ học.

Là một tỉnh có tới 7 dân tộc anh em cùng chung sống: Mường, Kinh, Thái, Dao, Tày, Mông, Hoa. Theo số liệu thống kê năm 2013 tỉnh Hòa Bình có 808.200 người, trong đó người Mường chiếm 63,32% dân số toàn tỉnh, người Mường sống rải rác ở tất cả các thị xã, huyện thị thuộc tỉnh Hòa Bình.[42, tr.8]

Chúng ta có thể thấy sự phát triển của dân số Mường qua từng thời kì được quyết định dựa trên tỷ lệ sinh. Hiện nay, dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, y tế và chính quyền địa phương đã làm tốt công tác kế hoạch hóa gia đình. Người Mường sống rải rác trên toàn tỉnh nhưng lại có sự phân bố không đồng đều giữa

các địa phương. Hai huyện tập trung nhiều người Mường nhất là Kim Bôi và Lạc Sơn chiếm 46% dân số. Huyện tập trung ít nhất người Mường là Mai Châu, ngoài ra còn có các huyện khác như Lương Sơn, Yên Thủy, Kì Sơn, Tân Lạc.

2.1.2. Điều kiện kinh tế, xã hội

- Điều kiện kinh tế

Hòa Bình nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, khí hậu có sự phân hóa đa dạng cho nên không có hiện tượng sa mạc hóa hay bán sa mạc. Khí hậu thuận lợi như vậy cho phép Hòa Bình phát triển một nền kinh tế nông nghiệp với nhiều loại cây trồng phong phú, vật nuôi đa dạng, có thể nuôi trồng phát triển quanh năm đặc biệt là cây lương thực và cây công nghiệp hàng năm, lâu năm.

Người Mường sinh sống trong điều kiện tự nhiên là vùng thung lũng và sườn đồi núi thuộc địa bàn của tỉnh, cho nên công việc làm ruộng đối với họ là công việc thường ngày và vô cùng quan trọng. Làm ruộng ở đây chủ yếu là canh tác lúa nước. Lúa là cây cung cấp lương thực chính cho người Mường. Ngoài ra, người Mường cũng phát nương, làm rẫy trồng các cây như ngô, khoai, sắn... Mặc dù không có những cánh đồng trải dài như người Kinh, nhưng người Mường vẫn có đủ ruộng, nương để canh tác và trồng trọt. Những năm gần đây, Hòa Bình đổi mới chính sách cây trồng, vật nuôi làm tăng hiệu quả kinh tế. Bên cạnh những giống cây cũ cho năng suất không cao thì nay đã đưa những giống cây mới có năng suất cao đem lại hiệu quả kinh tế như: cam, mía, vải, nhãn,... Chính sách mới này không chỉ đem lại hiệu quả kinh tế, mà còn làm tốt vấn đề việc làm cho người dân.

Trong nông nghiệp, việc đưa nước vào tưới tiêu cho đồng ruộng, đặc biệt là ruộng bậc thang rất quan trọng. Chúng ta có thể thấy những công trình thủy lợi của người Mường và cách họ lấy nước đến các ruộng đạt đến trình độ cao. Người Mường đã tận dụng các con suối để làm guồng nước, dùng ống dò nước vào các ruộng, phục vụ sinh hoạt.

Bên cạnh việc làm ruộng, nương rẫy, người Mường còn khai thác thêm nguồn lợi từ rừng. Ngoài việc khai thác các loại cây gỗ quý như: Đinh, Lim, Sến, Tấu..., người Mường còn khai thác các loại cây gỗ khác như: gỗ mỡ, tre, luồng, bương, trúc, nứa, mây, để làm nhà và củi đun. Người Mường cũng tận dụng các loại cây thảo mộc để làm thuốc. Với diện tích đất nông nghiệp là 352,9 nghìn ha

chiếm 76,58% diện tích tự nhiên; diện tích đất rừng phòng hộ 112,3 nghìn ha; rừng trồng 144,1 nghìn ha. Nhìn chung, diện tích đất nông nghiệp chiếm ưu thế và cây lúa là cây lương thực chủ đạo của vùng [11, tr.6].

Trong tập quán canh tác và sản xuất nông nghiệp của mình, người Mường đã hình thành phương thức canh tác nông nghiệp theo hướng ổn định thành thạo cho từng loại ruộng, nương bằng việc đúc kết những kinh nghiệm qua sản xuất. Ngày nay, người Mường cũng đã áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất nông nghiệp như dùng phân bón, thuốc trừ sâu, đưa giống mới vào thử nghiệm bước đầu đã đạt được những hiệu quả nhất định.

Sản xuất không còn mang tính chất tự cung tự cấp như trước đây, mà thay vào đó đã hình thành nên các vùng sản xuất với tính chuyên môn hóa. Hàng hóa đã được bao tiêu không còn tính chất trao đổi. Với những chính sách khuyến nông khuyến lâm đã làm thay đổi căn bản từng bước đời sống của người Mường ở Hòa Bình.

Địa hình tự nhiên thuận lợi nên Hòa Bình có nhiều thế mạnh trong việc chăn nuôi gia súc vừa và nhỏ, bên cạnh những con vật nuôi trước đây như bò, trâu, lợn,.. nay đã thêm vào một số giống mới như: bò sữa, bò lai, hươu, nhím, thỏ... tận dụng những cây cỏ tự nhiên, kết hợp thả rông và chăn nuôi trong chuồng trại.

Bên cạnh đó, nghề thủ công truyền thống luôn đi liền và không thể tách rời khỏi nông nghiệp của các đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và người Mường nói riêng, đặc biệt là nghề trồng dâu, nuôi tằm kéo sợi, dệt vải là những công việc chủ yếu của người phụ nữ. Các sản phẩm không chỉ để dùng mà còn đem đi trao đổi mua bán. Ngày nay nghề dệt của người Mường còn được đầu tư nhằm mục đích phát triển du lịch.

Lâm nghiệp là một thế mạnh của vùng, bên cạnh những cánh rừng trồng, thì một điều đáng buồn ở đây diện tích rừng tự nhiên ngày càng bị thu hẹp, do trình độ dân trí, nạn du canh, du cư của đồng bào dân tộc thiểu số nên dẫn đến hậu quả trên, ngày nay với chính sách của Đảng và Nhà nước, chính quyền, phủ xanh đất trống đồi trọc, phát triển kinh tế để ổn định cuộc sống của đồng bào dân tộc.

- *Đặc điểm xã hội.*

Quan hệ xã hội trong một cộng đồng được phản ánh hết sức khách quan và khá rõ nét về văn hóa ứng xử, cũng như mối quan hệ giữa các cá nhân trong cộng đồng xã hội, phản ánh tục lệ truyền thống, vai trò tầng lớp trong xã hội, để từ đó chúng ta thấy được trình độ phát triển của cộng đồng và tộc người. Người Mường sống trong các mối quan hệ ràng buộc, các mối quan hệ đó thân thiết, gắn bó tương trợ nhau, người già được kính trọng, trẻ em được quan tâm chăm sóc, yêu thương.

Khi nghiên cứu về xã hội Mường cổ truyền, nhiều nhà nghiên cứu đã gọi tầng lớp nhà Lang với những thuật ngữ khác nhau. Theo Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Diệu thì “trước Cách mạng Tháng Tám, xã hội Mường được đặc trưng bằng chế độ Lang đạo. Đó là những chúa đất nắm quyền cai quản dân trong vùng, bọn Lang đạo theo các dòng họ có thế lực và được thế tập, chúng thay nhau cai quản các Mường và làng xóm [40, tr.40]. Theo Giáo Sư Phan Hữu Dật, “Với xã hội Mường, đó là thiết chế Làng – Chiềng với các chức lang đạo, lang cun – nhưng có thể nói đặc điểm thiết chế xã hội Mường cổ truyền là vai trò của dòng họ với chế độ thế tập cha truyền con nối, trong việc cai quản xã hội” [14, tr. 225]. Trần Từ (tức Nguyễn Đức Từ Chi) đưa ra nhận định “Xứ Mường trước Cách mạng Tháng Tám 1945, ít nhất cũng trong phạm vi Tỉnh Hòa Bình, vẫn trình ra khắp mọi nơi một cơ cấu xã hội – chính trị đồng nhất. Cơ cấu đó không được chỉ định bằng từ Mường nào cả. Nhưng để tiện trình bày, tôi cứ tạm vay một từ kép có sẵn trong ngôn ngữ của tộc người, để gọi cơ cấu nói trên là chế độ nhà Lang” [8, tr.3-4].

Trong xã hội Mường, nhà Lang là tầng lớp quý tộc cai trị cả vùng Mường đến từng bản, làng một cách có hệ thống và khá chặt chẽ. Tầng lớp dân Mường là lực lượng đông đảo nhất, song bên cạnh đó, một bộ phận nhỏ những người phục dịch cho nhà Lang. Mỗi một vùng Mường đặt dưới sự cai quản của một họ Lang, đối với người Mường, những dòng họ quý tộc, giàu sang và thế lực là họ Đinh, Quách, Bạch, Hoàng, Hà..., Đây là những tầng lớp nắm quyền cai trị và cha truyền con nối, trong nhà Lang có nhiều hạng với địa vị khác nhau.

Lang cun là tên gọi người đứng đầu cả vùng Mường mà mình cai trị. Với nhiều bản Mường, Lang cun sống ở vùng trung tâm của Mường của mình gọi là chiềng. Ông này chia các con thứ hoặc nam giới họ hàng thuộc chi thứ đi cai trị các

bản trong vùng Mường, riêng Mường trung tâm sẽ được chuyển cho con trai trưởng của Lang khi ông này chết và người con trai trưởng sau này được gọi là Lang cun. Tất cả những người đàn ông trong nhà Lang sẽ được chia cho cai trị các bản Mường và phải có nhiệm vụ nộp lễ vật hàng năm và theo quy định của Lang cun.

Lang cun và Lang đạo có một số người giúp việc, được gọi là Âu, là những người xuất thân từ tầng lớp bình dân được nhà Lang tin tưởng và tín nhiệm, giúp nhà Lang các công việc đồng ruộng, hiếu hỷ, lễ tết..., ngoài ra còn phải kể đến tầng lớp khác như đũa nương, là những lưu dân đến muộn hơn so với người ở trong Mường và cuộc sống của họ dựa vào làm nương rẫy, những người này sống bên lề của xã hội, thân phận của họ ít bị lệ thuộc vào Lang.

Ngày nay, người Mường sống quần cư thành những làng, bản mỗi bản là một xóm và trong mỗi xóm có vài chục nóc nhà. Một số gia đình khi con cái trưởng thành, dựng vợ, gả chồng lại cho sống riêng, bên cạnh đó thì cũng có những gia đình sống từ 2 đến 3 thế hệ trong một mái nhà. Trong gia đình người Mường, người đàn ông luôn giữ vai trò trụ cột trong gia đình. Người đàn ông trong gia đình Mường có quyền quyết định những vấn đề quan trọng của gia đình và cũng là lao động chính nuôi gia đình.

2.2. Thực trạng của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay

2.2.1. Thành tựu của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở tỉnh Hòa Bình hiện nay và nguyên nhân của nó

** Thành tựu của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở tỉnh Hòa Bình*

Hòa Bình là một tỉnh miền núi có 10 huyện, 1 thành phố, 21 phường xã, có 7 dân tộc Mường, Kinh, Dao, Tày, Thái, Mông, Hoa sinh sống, với 72% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó dân tộc Mường là chủ yếu. Tỉnh Hòa Bình là nơi có nền văn hóa đa sắc tộc và mang đậm những bản sắc riêng.

Công tác xây dựng đời sống văn hóa: Trong thời đại khoa học và công nghệ thông tin phát triển như vũ bão, nền kinh tế tri thức ngày càng chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống cộng đồng. Bên cạnh những yếu tố tích cực thì xu hướng toàn cầu hóa lại cũng có tác động ngược, những mâu thuẫn vẫn đang là một thách

thức đối với việc bảo tồn phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, cũng như xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

Mặc dù vậy, trong những năm qua tỉnh Hòa Bình đã làm tốt công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, bao gồm các sinh hoạt văn hóa của cộng đồng dân cư, cơ sở vật chất kỹ thuật và thiết chế văn hóa, cũng như các thành tố của gia đình văn hóa, thôn bản, khối phố văn hóa, xã phường văn hóa, cơ quan văn hóa, nếp sống văn hóa trong việc tang ma, lễ hội..., đặc biệt chú trọng xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, bảo đảm mỗi nhà máy, công trường, mỗi cơ quan, trường học, bệnh viện ở vùng đồng bào dân tộc ít người trong tỉnh đều có đời sống văn hóa.

Tổ chức tốt cuộc vận động xây dựng “*Gia đình văn hóa*”, “*Thôn, bản, khối phố văn hóa*”, “*Cơ quan văn hóa*”, đã trở thành chuẩn mực về đạo đức, lối sống của mỗi gia đình, mỗi cơ quan, mỗi địa phương.

Kết quả đạt được trong năm 2013 có 1.400/1.364 làng bản đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 102,6%; 155.000/146.838 gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 105,5%; 570/548 cơ quan đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 104.0% [48, tr. 3].

Qua hội nghị biểu dương làng văn hóa tiêu biểu xuất sắc giai đoạn 2008 – 2013, UBND tỉnh đã tặng 100 bằng khen cho 100 làng văn hóa tiêu biểu xuất sắc [48, tr. 5].

Công tác tổ chức các hoạt động văn hóa, giao lưu văn hóa: Chỉ đạo và tổ chức thành công hội thi nghệ thuật quần chúng và tuyên truyền cổ động tỉnh Hòa Bình năm 2013, thành lập đội tuyên truyền lưu động tỉnh Hòa Bình tham gia giao lưu, biểu diễn phục vụ hội nghị chuyên đề “*Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng của đội tuyên truyền lưu động*” các tỉnh khu vực Tây Bắc tại tỉnh Yên Bái; liên hoan tuyên truyền giao lưu phòng chống ma túy năm 2013 tại Thái Nguyên đạt 3 huy chương vàng, phối hợp tổ chức trưng bày triển lãm ảnh thời sự nghệ thuật tỉnh Hòa Bình 2013[48, tr.7].

Toàn tỉnh hiện có 210 đội văn nghệ tuyên truyền xã, phường, thị trấn; 1.920 đội văn nghệ thôn bản thường xuyên hoạt động trong năm 2013, tổ chức được 8.240 buổi biểu diễn, ước tính phục vụ trên 19.500 lượt người xem[48, tr.10]. Đặc biệt, Hòa Bình đã tổ chức đăng cai thành công ngày hội văn hóa thể thao và du lịch các dân tộc tỉnh Tây Bắc; tổ chức 03 đoàn nghệ thuật quần chúng của 6 tỉnh biểu

diễn giao lưu văn nghệ tại các huyện Lương Sơn, Kim Bôi, Tân Lạc, tổ chức tốt phiên chợ vùng cao tại thành phố Hòa Bình; tổ chức hội thảo khoa học về giá trị lịch sử di tích quốc gia; địa điểm huấn luyện chính trị Đại Hội trừ bị, Đại Hội II Đảng nhân dân Lào [50, tr. 11].

Công tác quản lý di tích và lễ hội: Là một tỉnh có hệ thống di tích phong phú về loại hình, đặc biệt là các di tích về khảo cổ học thuộc nền văn hóa Hòa Bình, vì vậy, di tích Hòa Bình có những đặc thù riêng, qua việc thống kê tính đến tháng 4/2016, tỉnh Hòa Bình có 41 di tích cấp Quốc gia, 30 di tích cấp Tỉnh, trong đó:

- *Cấp Tỉnh:* Có 24 di tích lịch sử văn hóa; 05 di tích lịch sử cách mạng; 01 di tích danh thắng. Di tích cấp Tỉnh do Chính phủ ủy quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định và cấp bằng công nhận.

- *Cấp Quốc gia:* 14 di tích lịch sử văn hóa; 09 di tích lịch sử cách mạng; 18 di tích danh thắng. Di tích cấp quốc gia do Chính phủ ủy quyền cho Bộ Văn hóa – Thông tin trước đây (nay là Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch) ra quyết định và cấp bằng công nhận [51, tr. 4].

Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình đã làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến *Luật di sản văn hóa* và các quy định của pháp luật góp phần đưa công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về công tác quản lý bảo vệ và phát huy các giá trị di tích lịch sử văn hóa đến với các cấp chính quyền và nhân dân ở cơ sở, để nắm bắt triển khai thực hiện.

Công tác thanh tra và kiểm tra hoạt động quản lý di tích hướng dẫn các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa tại các địa điểm di tích và nơi diễn ra lễ hội, tổng số lễ hội hiện đang được tổ chức thường xuyên hàng năm là 27 trong đó lễ hội thuộc dân gian là 25; 02 lễ hội tôn giáo; 01 lễ hội do cấp tỉnh tổ chức; 11 lễ hội cấp huyện thị tổ chức; 15 lễ hội cấp thôn, làng, bản tổ chức; 03 lễ hội có quy mô lớn được tổ chức thường xuyên hàng năm [48, tr.15].

Công tác phát triển nguồn lực: Hiện nay Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình có 7 phòng chuyên môn, 7 đơn vị trực thuộc, đến nay số cán bộ trong ngành được đào tạo Thạc sĩ là 04 người chiếm 02%; Đại học 117 người chiếm 71%; Cao đẳng 09 người chiếm 5,4%; Trung cấp 30 người chiếm 18,2%; có 11 phòng văn hóa thông tin, 6 trung tâm văn hóa huyện, 09 thư viện huyện, từ năm

2008 đến nay tỉnh đã hỗ trợ xây dựng trên 1200 nhà văn hóa thôn bản đạt 72% trong toàn tỉnh có 210 cán bộ văn hóa cấp xã, phường, thị trấn và 1.920 đội văn nghệ xóm bản, trên 200 tổ, đội thông tin tuyên truyền với trên 13.000 diễn viên quần chúng [48, tr.12].

Công tác vận động đồng bào từ bỏ thói quen lạc hậu, hủ tục, luật tục, hiện nay với các thế lực thù địch nhằm gây rối và chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, để nắm bắt kịp thời thực trạng nói trên, nhất là để chống lại các âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch. Trong những năm qua, Sở Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch tỉnh Hòa Bình đã tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, nhất là bà con các dân tộc thiểu số nhằm nâng cao nhận thức, chấp hành các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang ma, lễ hội.

Vận động nhân dân, nhất là bà con dân tộc thiểu số từng bước xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan..., làm ảnh hưởng đến sự phát triển của từng dân tộc và sự phát triển chung của cộng đồng. Kết quả vận động trong toàn tỉnh thực hiện đám cưới theo nếp sống văn minh là 5.140/6284 đạt 81.8%; tổng số đám tang thực hiện theo nếp sống văn minh là 2.192/2784 đạt 78,7% [49, tr.6].

Đối với mỗi dân tộc thì tín ngưỡng, lễ nghi và phong tục là hình thức vô cùng quan trọng và ở đó nó chứa đựng các chỉ báo rất tiêu biểu về bản sắc dân tộc. Đây cũng là lĩnh vực khó áp đặt của dân tộc này với dân tộc khác. Qua đó, người ta hiểu những tinh hoa văn hóa bắt rễ sâu vào trong đời sống cộng đồng như thế nào. Tuy có sức sống lâu bền, bám rễ vào trong tiềm thức con người, những biến động trong tâm linh diễn ra trong nhiều năm và rất nhiều thế hệ, nhưng hiện nay các nghi lễ tang ma, lễ tết của người Mường được tối giản đi nhiều so với thời kì trước.

Nếu trước đây người Mường tổ chức đám tang diễn ra từ 3 đến 5 ngày, rồi mời thầy Mo về cúng, hiện nay thì đám tang chỉ để người đã mất ở nhà một đêm, hôm sau mang đi chôn cất hoặc hỏa táng, các hủ tục rườm rà đã bị bỏ, trình tự tang lễ cũng đơn giản hơn.

Trong nghi lễ cưới xin của người Mường, những thủ tục rườm rà như tập tục thách cưới nặng nề cũng dần được loại bỏ. Sự phát triển kinh tế, trình độ dân trí

ngày càng nâng lên, các đôi trai gái được tự do tìm hiểu khi đủ tuổi, mà không đi theo sự sắp đặt của gia đình. Bên cạnh việc cô dâu mặc váy cưới, chú rể mặc comple, trong đám cưới trang phục truyền thống vẫn được các cô dâu, chú rể lựa chọn mặc trong ngày cưới. Điều đó thể hiện ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc của thanh niên Mường. Đối với khách mời cũng rút xuống chỉ mời khách thân của hai họ.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo tồn, và giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, chính quyền tỉnh đã xây dựng, ban hành quy chế bảo tồn và phát huy các giá trị di tích, danh lam thắng cảnh, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện cho thực hiện bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Tỉnh Hòa Bình cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương xây dựng và duy trì các tổ, đội, văn nghệ quần chúng hoạt động thường xuyên, góp phần tích cực lưu giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Tỉnh đã và đang dành nhiều quan tâm, nỗ lực trong ngăn ngừa sự xuống cấp, mai một của những giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, bảo tồn những giá trị văn hóa tốt đẹp, đồng thời hướng tới xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa mới.

Nguyên nhân.

Có thể nói, để đạt được những kết quả như trên, trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và chính sách dân tộc của nhà nước đã làm thay đổi căn bản đời sống nhân dân vùng đồng bào dân tộc trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, trong đó có dân tộc Mường.

Với sự chỉ đạo và tuyên truyền, phối hợp của Sở Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch tỉnh Hòa Bình và các đơn vị liên quan, trong việc phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là vùng cao, sâu, xa.

Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền, chủ trương, chính sách cho đối tượng là các già làng, trưởng bản, người có uy tín ở các dân tộc thiểu số nhằm phát huy vai trò của họ trong cộng đồng, dòng họ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XV đã đề ra nhiệm vụ “chăm lo phát triển văn hóa đồng bộ với kinh tế, coi văn hóa vừa là mục tiêu, vừa

là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội”, “giữ vững và phát huy những giá trị truyền thống”.

Tập chung đi sâu nghiên cứu thực hiện các đề tài như: “*Sưu tầm phục dựng một số làn điệu công chiêng cổ người Mường tỉnh Hòa Bình*”, thành lập 02 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể *Mo Mường* và *Chiêng Mường* đề nghị Bộ Văn hóa Thể Thao và Du Lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, tổ chức 02 cuộc trưng bày với chủ đề “*Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam – Những bằng chứng lịch sử*” và “*Di sản văn hóa tỉnh Hòa Bình*”, phục vụ công tác tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, thu hút hàng nghìn lượt khách đến thăm quan, nghiên cứu.

Tuyên truyền từ tỉnh đến cơ sở, tổ chức nhiều đợt tuyên truyền, cổ động chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn, làm tốt công tác tuyên truyền phục vụ Đại hội Đảng các cấp, tổ chức thành công Hội nghị tổng kết 5 năm phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và 10 năm thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang và lễ hội.

Tăng cường xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số cư trú, bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, khai thác các giá trị văn hóa dân tộc truyền thống vào việc nâng cao đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số.

Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào các dân tộc thiểu số, cung cấp những sản phẩm văn hóa thông tin phù hợp, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển văn hóa, ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới xóa bỏ hủ tục, lạc hậu trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở tỉnh Hòa Bình.

2.2.2. Hạn chế của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở tỉnh Hòa Bình hiện nay và nguyên nhân của nó.

** Hạn chế của việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở tỉnh Hòa Bình hiện nay*

Hiện nay, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nếp sống mới, xây dựng khu dân cư văn hóa, làng xóm văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc theo tinh thần của nghị quyết trung ương 5 khóa VIII, được

thực hiện và triển khai sâu rộng trên khắp các làng, bản, xã, của người Mường ở Hòa Bình, các lễ hội và hoạt động văn hóa truyền thống được khôi phục và duy trì.

Một trong những biểu hiện của bản sắc văn hóa dân tộc Mường đó là nhà sàn, hiện nay, nhà sàn của người Mường đang bị mất dần đi với tốc độ nhanh chóng, theo con số thống kê của tỉnh Hòa Bình: vào những năm 60 – 70 của thế kỉ XX, nhà sàn truyền thống chiếm 80% tổng số toàn tỉnh, những xã, làng, bản của đồng bào Mường có 100% nhà sàn phổ biến, đến năm 2000 số hộ có nhà ở tăng lên, chiếm 99,8% tổng số hộ toàn tỉnh, nhưng nhà sàn chỉ còn chiếm 35%, từ những con số thống kê trên chúng ta có thể thấy, trong bốn huyện thuộc Mường cổ (Bi, Vang, Thàng, Động), tính đến năm 2005 chỉ còn hai huyện là Lạc Sơn và Tân Lạc còn trên 50% nhà sàn, Cao Phong là 27%, Kim Bôi là 5,4%.

Qua những con số thống kê chúng ta thấy một điều đáng báo động đang diễn ra, nhà sàn của người Mường đang mất đi chính tại vùng Mường.

Sự thay đổi trên là do sự thay đổi về hoàn cảnh địa lý, một phần về khí hậu, một yếu tố khác là mức độ giao lưu văn hóa giữa người Mường và người Kinh. Việc chuyển từ nhà sàn sang nhà đất như hiện nay là một điều dễ hiểu vì như vậy sinh hoạt của gia đình sẽ thuận tiện hơn, chi phí và xây dựng nhà cửa cũng đơn giản và ít tốn kém hơn so với nhà sàn. Đến các bản Mường hiện nay, không còn thấy những ngôi nhà sàn ẩn hiện thấp thoáng, mà thay vào đó là nhà ngói ba gian, nhà trần, nhà tầng với những vật dụng trong nhà hiện đại, nếu còn những ngôi nhà sàn thì cũng bị cách tân đó là cột trụ nhà bằng bê tông, tường gạch, lợp ngói, hoặc lợp tôn. Không còn dáng vẻ truyền thống nữa mà yếu tố hiện đại đã làm thay đổi một phần nào đó của ngôi nhà sàn truyền thống.

Ăn uống không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh tồn của con người, mà ở đó nó còn chứa đựng những nét tinh tế riêng biệt về khẩu vị và tập tục của mỗi dân tộc, khi tập quán sản xuất thay đổi cùng với sự du nhập của lối sống văn hóa ẩm thực mới cũng tác động đến văn hóa ẩm thực của người Mường, khi mà lối sống hiện đại len lỏi thì trong các bữa ăn cũng như chế biến của người Mường cũng đơn giản hóa đi, các món ăn truyền thống đang dần mất. Trong ẩm thực của người Mường đã du nhập nhiều món ăn của người Kinh, trong các bữa cỗ cưới, đám tang, bữa ăn hàng ngày xuất hiện nhiều món mới như giò, chả, nem, canh nấm..., những mâm cỗ lá

không còn xuất hiện nhiều nữa, các đồ uống cũng phong phú hơn như nước ngọt, bia, nước uống tăng lực. Những loại đồ uống này đang thay thế dần cho những bình rượu cần truyền thống.

Trong những năm gần đây, trang phục của người Mường cũng có sự thay đổi. Có rất ít người mặc trang phục truyền thống, nếu có cũng chủ yếu vào các dịp lễ tết, hội, đám cưới, ma chay. Trang phục truyền thống không được những người trẻ mặc nhiều nữa mà thay vào đó là trang phục hiện đại, có sự cách tân cải biến. Nguyên nhân của vấn đề này là do các hàng may sẵn vừa rẻ lại đẹp, hợp mốt, mặc vào thoải mái, không khó khăn trong việc lao động và sản xuất. Những trang phục truyền thống này lại bị chính những người dân bản địa từ bỏ bởi họ không thấy được những giá trị văn hóa đặc sắc trên chính những trang phục của dân tộc mình.

Ngôn ngữ là thành quả văn hóa lớn nhất của loài người, và đó cũng là biểu hiện quan trọng nhất của một dân tộc, tộc người. Dân tộc Mường khi gia nhập các cộng đồng dân tộc Việt Nam và công nhận tiếng Việt là quốc ngữ, được dùng làm phương tiện giao tiếp giữa các dân tộc, thì mỗi dân tộc đều mong muốn tiếng mẹ đẻ của dân tộc mình sẽ không bao giờ bị mất đi, mà cùng tồn tại với các tiếng nói khác.

Gần đây tiếng Mường ít được sử dụng trong những gia đình, và những người trẻ, việc giao tiếp bằng tiếng Mường trong cộng đồng vẫn diễn ra, nhưng không còn nhiều và phổ biến như trước nữa. Nhiều người trẻ hiện nay nghe và hiểu được tiếng Mường nhưng lại không nói được. Ngày nay khi mà sự giao thoa, tiếp cận với tiếng Kinh nhiều và tiếng Kinh là ngôn ngữ chính trong giao tiếp tại trường học, công sở cho nên ngôn ngữ Mường mất dần đi theo năm tháng, một bộ phận không nhỏ những người trẻ họ luôn mặc cảm và tự ti trước ngôn ngữ của dân tộc mình.

Trước đây với tư tưởng “vạn vật hữu linh” và sản xuất chủ yếu dựa vào tự nhiên, ngày nay thì tư tưởng này không còn giữ được bởi vì phương thức sản xuất hiện đại cho năng suất cao đã thay thế, những hiện tượng siêu nhiên dựa vào tự nhiên, dựa vào tự nhiên cũng mất dần đi, ngày nay, bên cạnh những nghi lễ truyền thống thì người Mường cũng chịu ảnh hưởng của dân tộc Kinh: như cúng rằm tháng giêng, mừng một, thanh minh, rằm trung thu, cúng ông công, ông táo,...

Nghệ thuật dân gian của người Mường ở Hòa Bình rất phong phú và đa dạng, trong văn học phải kể đến những áng Mo, sử thi, truyền thuyết, ca dao, tục ngữ có giá trị nhân văn sâu sắc, hay những điệu cồng chiêng nó là linh hồn của người Mường, những điệu múa mang đậm chất dân gian. Tuy nhiên, rất dễ nhận thấy những giá trị phi vật thể này đang bị phôi pha theo năm tháng. Những người trẻ hiện nay không biết nhiều về văn hóa dân gian của dân tộc mình, bởi họ bị chi phối bởi các mạng xã hội, game, hay những cuốn truyện ngôn tình của nước ngoài. Họ dần quên đi những giá trị đặc sắc văn hóa của dân tộc mình, những bản cồng chiêng đang dần mất đi thế thay vào đó là những bản nhạc rock, hay thần tượng Kpop, theo thời gian những cái thuộc về giá trị truyền thống đang dần bị mai một.

Mặc dù đã làm tốt cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”; lồng ghép và đưa các nội dung về xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới tang lễ, lễ hội, từ bỏ các tục lệ lạc hậu... vào cuộc vận động, nhưng bên cạnh đó vẫn còn 1.144 đám cưới không thực hiện theo nếp sống văn minh còn hủ tục, lạc hậu chiếm 18,2%; tổng số đám tang không thực hiện theo nếp sống văn minh là 592 chiếm 21,2%.[50, tr.4]

Như vậy, có thể thấy, bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường, thì vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định đó là:

- + Môi trường văn hóa của người Mường còn bị ô nhiễm bởi phải chịu tác động của văn hóa ngoại lai, các tệ nạn xã hội.

- + Người Mường chưa tạo dựng được cho mình một nền văn hóa vững chắc trong thời kì hội nhập và phát triển. Nội dung “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” về nhiều mặt chưa được thể hiện rõ trong lối sống, nếp sống của người Mường trong thời kì hiện nay.

- + Việc phát huy những nhân tố tiềm ẩn trong văn hóa, bồi dưỡng những tiềm năng văn hóa trong đồng bào dân tộc Mường chưa được thường xuyên. Trong lĩnh vực của ngành văn hóa còn bộc lộ sự thiếu hụt về những cán bộ nòng cốt, thực sự am hiểu về bản sắc văn hóa dân tộc Mường.

- + Công tác phối hợp với cơ sở chưa thực sự được chặt chẽ; chưa có cơ chế quản lý phân cấp lễ hội nên việc quản lý lễ hội chưa được tốt, thiết chế văn hóa

chưa phù hợp, chính sách khuyến khích đầu tư nguồn vốn dành cho phát triển văn hóa còn hạn hẹp.

+ Công tác cán bộ từ tỉnh đến cơ sở còn nhiều bất cập, vừa thiếu, vừa yếu, một số qua đào tạo hoặc đào tạo không đúng chuyên ngành, chậm trong việc trẻ hóa đào tạo cán bộ.

+ Những tiềm năng về kết hợp du lịch văn hóa với sinh thái còn bỏ ngỏ, hoặc chỉ dừng dừng lại ở các hoạt động thăm thú hang động, các tài nguyên nhân văn như hệ thống các trò chơi, dân ca, lễ hội, nghề dệt thổ cẩm, ẩm thực..., vẫn chưa được khôi phục nên không có sức hút giữ chân du khách.

+ Công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa thông tin còn chậm, gặp nhiều khó khăn, các hoạt động văn hóa trông chờ vào kinh phí của nhà nước của một số địa phương diễn ra khá phổ biến ở các địa phương, chưa huy động được tối đa nguồn lực của nhân dân.

+ Công tác quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và đầu tư cho phát triển du lịch, bảo tồn các giá trị văn hóa còn hạn chế chưa kịp thời.

+ Cơ sở vật chất, kỹ thuật du lịch còn nghèo nàn, chương trình du lịch văn hóa chưa được triển khai mạnh mẽ, sản phẩm du lịch chưa đa dạng, nhận thức về công tác xã hội hóa du lịch chưa cao.

+ Chưa thực sự có đầu tư lớn trong công tác sưu tầm nghiên cứu và bảo tồn văn hóa dân tộc nói chung và lễ hội nói riêng.

+ Ý thức bảo tồn văn hóa truyền thống của người dân chưa cao, đôi khi vì những khó khăn của cuộc sống hàng ngày, họ sẵn sàng bán đi những di sản văn hóa của dân tộc.

+ Thế hệ trẻ là thế hệ có sứ mệnh bảo tồn và phát triển vốn văn hóa truyền thống hiện nay phần đa họ không mặn mà lắm với việc học hỏi vốn văn hóa cổ truyền mà chạy theo lối sống hiện đại.

** Nguyên nhân của hạn chế*

Điều kiện địa lý, tự nhiên vùng núi phía bắc nơi mà dân tộc Mường cư trú là đồi núi với độ dốc theo hướng Tây Bắc – Đông Nam chia thành 2 vùng rõ rệt, phía Tây Bắc (vùng cao) bao gồm các dải đồi núi lớn, bị chia cắt nhiều, phía Đông Nam (vùng thấp) gồm các dải núi thấp, ít bị chia cắt.

Về giao thông vận tải hiện nay toàn tỉnh có 3.699,6km đường giao thông, đường do trung ương quản lý dài 288km chiếm 8,1%, đường do tỉnh quản lý 325,6 km chiếm 8,8%, đường do huyện quản lý 660 km chiếm 17,8%, đường do xã quản lý 2.374 km chiếm 64,16%, đường đô thị 41km chiếm 1,1%, chất lượng đường bộ, đường cấp phối đá dăm 1.478,2 km chiếm 31,96%, đường nhựa chỉ còn 352,9 km chiếm 9,54% còn lại là đường đất, còn 6 xã thuộc vùng sâu vùng xa chưa có đường đi đến trung tâm xã [13, tr.4].

Nhiều xã trong tỉnh Hòa Bình các phương tiện thông tin liên lạc, hệ thống điện, đường, trường, trạm còn ít nếu có thì chắp vá, với kiểu khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa đa dạng, cho nên ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp. Các địa phương trong tỉnh chủ yếu sản xuất nông nghiệp dựa vào tự nhiên. Nhưng bên cạnh đó hình thành lên tâm lý sống dựa vào tự nhiên, tự ti, mặc cảm; sự tự tin chủ động, mạnh dạn vươn lên để bắt nhịp với cuộc sống bên ngoài hiện đại, chưa được phát huy mạnh mẽ.

Tiếp đến là trình độ dân trí còn thấp, nhận thức chưa đầy đủ về những tác hại của những hủ tục, lạc hậu, bên cạnh đó đời sống của người dân nơi đây còn nhiều khó khăn, giáo dục, y tế, thông tin liên lạc còn kém phát triển nhất là ở các nơi thuộc vùng sâu, xa.

Kinh tế xã hội, quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, bên cạnh những yếu tố tích cực mà chúng ta học hỏi được thì song hành với nó là yếu tố tiêu cực, những quy luật như cung cầu, cạnh tranh tác động không nhỏ buộc chúng ta phải chấp nhận khi mà tham gia cơ chế thị trường.

Có thể thấy, lối sống giản dị, mộc mạc, chân chất, thật thà, của người Mường đã bị ảnh hưởng bởi mặt trái của văn hóa phương Tây và sự lợi dụng dân tộc và tôn giáo của các thế lực thù địch để phá hoại nền văn hóa bản địa, nên nảy sinh lối sống hướng ngoại, phủ nhận văn hóa dân tộc, sống thực dụng, sự chi phối của đồng tiền đã làm thay đổi những quan niệm về văn hóa. Làm cho văn hóa không giữ được giá trị nguyên sơ, vốn có của nó, đặc biệt là thế hệ trẻ của chính dân tộc Mường. Cuộc sống hiện đại đã khiến cho ngôi nhà sàn dần vắng bóng, những làng xóm của người Mường ở vùng sâu, vùng xa, vẫn còn nhà sàn nhưng thay vào đó kiểu dáng của những ngôi nhà sàn hiện đại.

Trang phục của người Mường cũng không được mặc phổ biến, các đám cưới của người Mường ít được tổ chức theo nghi thức truyền thống cô dâu, chú rể mặc trang phục ngày nay, theo hướng hiện đại.

Ngôn ngữ Mường và việc sử dụng ngôn ngữ Mường trong đời sống không còn phổ biến như trước, đây là tình trạng đáng báo động, ngày nay các gia đình người Mường cư trú ở thị trấn, thành phố đã không còn sử dụng tiếng Mường để giao tiếp, thay vào đó là tiếng Kinh để thuận tiện trong việc giao tiếp với người xuôi trong việc buôn bán.

Từ những, giá trị, thực trạng, nguyên nhân của những biến đổi văn hóa trên, thiết nghĩ các ngành chức năng, các cấp ủy Đảng, chính quyền cần sớm xây dựng chương trình hành động và có giải pháp đồng bộ, tổng thể nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc Mường.

Xu thế toàn cầu hóa cũng như các nước trên thế giới Việt Nam không thể đứng ngoài xu thế đó để hội nhập và phát triển đất nước, trong những năm qua chúng ta đã đạt được rất nhiều thành tựu to lớn trên tất cả mọi lĩnh vực, đời sống nhân dân không ngừng được nâng lên, những di sản văn hóa truyền thống được gây dựng và phục lại, phát triển trên cơ sở hiện đại.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã thực sự đi vào cuộc sống. Có thể thấy sự hiện diện của văn hóa Việt Nam với các nước trên thế giới. Đây là cơ hội để chúng ta giới thiệu văn hóa, đất nước, con người Việt Nam với bạn bè thế giới, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại, mặt khác toàn cầu hóa còn là cơ hội, để chúng ta tiếp thu khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi việc truyền bá, lưu giữ, phát triển văn hóa dân tộc.

Xu thế toàn cầu hóa hiện nay cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự chuyển đổi những giá trị, làm mai một dần bản sắc văn hóa dân tộc Mường, sự phát triển của khoa học công nghệ thông tin, đang diễn ra mạnh mẽ, lan tỏa, rộng khắp, đã phần nào đáp ứng được những nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của nhân dân, cũng gây tác động không nhỏ tới đời sống văn hóa của cộng đồng dân tộc Mường.

Sự tác động của xu thế toàn cầu hóa cũng làm đảo lộn những hệ giá trị truyền thống của dân tộc, nhiều giá trị đạo đức đang bị lãng quên, xem nhẹ, hay

thuần phong, mỹ tục đang bị xâm phạm, những yếu tố này có tác động không nhỏ đến đời sống tinh thần của người Mường.

Bên cạnh các yếu tố khách quan, thì cũng có một số nguyên nhân chủ quan như sau:

+ *Về tổ chức quản lý*: Công tác chỉ đạo của các cấp các ngành chỉ mang tính chất đối phó, xử lý các vụ việc là chính, chưa có giải pháp đồng bộ, chưa có tầm nhìn xa và đầu tư kinh phí chưa xứng đáng cho sự nghiệp bảo tồn bản sắc văn hóa và hội nhập phát triển văn hóa trong giai đoạn hiện nay và lâu dài.

Việc sưu tầm kiểm kê, bảo vệ và phổ biến các giá trị văn hóa cho các đồng bào dân tộc thiểu số còn chưa có hệ thống, từ đó dẫn đến đánh giá một cách không chính xác các giá trị văn hóa, cái nào cần bảo vệ ngay trước mắt, cái nào thì cần có biện pháp lâu dài, hay cái nào cần xóa bỏ, cái nào cần lưu giữ và phát huy, từ đó cho thấy vai trò quan trọng của cán bộ quản lý văn hóa tại các cơ sở.

Chúng ta chỉ có những biện pháp trước mắt đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa mà chưa có tầm nhìn xa và cụ thể trong việc giữ gìn và phát huy vốn nghệ thuật dân gian và truyền thống dân tộc đang dần bị phôi pha theo năm tháng.

Các hình thức tuyên truyền, tổ chức về văn hóa, văn nghệ còn thiếu tính khoa học, chưa mang tính chuyên nghiệp, trong các chương trình lưu diễn tuyên truyền cần lồng ghép những chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về văn hóa, để từ đó cho người dân thấy được việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa là một việc hết sức quan trọng và thiết thực.

+ *Về trình độ dân trí*: Đảng và Nhà nước ta luôn có nhiều chính sách quan tâm đến đời sống và từng bước nâng cao dân trí cho đồng bào các dân tộc trong đó có dân tộc Mường, đã có nhiều dự án được triển khai như đề án 30a của chính phủ giúp xóa đói giảm nghèo tại các tỉnh miền núi, dự án chương trình 135, chương trình xóa đói, giảm nghèo, chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống, dự án 747..., đặc biệt là chính sách phát triển cho giáo dục ở miền núi, đầu tư cho các nguồn lực cho công tác giáo dục, thực hiện phổ cập giáo dục, có chính sách hỗ trợ cho các con em đồng bào dân tộc thiểu

số, tạo điều kiện cho các em được đến trường học tập và nâng cao trình độ, nhờ đó mà đời sống vật chất và tinh thần của người Mường tăng lên đáng kể.

Tuy nhiên, trình độ dân trí của đồng bào dân tộc trong đó có dân tộc Mường so với dân tộc kinh vẫn còn nhiều hạn chế, như chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc Mường tham gia ở các cơ sở còn yếu, về trình độ, chuyên môn, khả năng nắm bắt, xử lý thông tin còn chậm, vẫn chưa theo kịp so với yêu cầu của công việc trong thời kì hội nhập.

2.2.3. Những vấn đề đặt ra trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay

**Những biến động của bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay.*

Những biến động về đạo đức lối sống, ý thức của dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay: Sự phát triển kinh tế - xã hội đã làm cho đời sống của người Mường có nhiều khởi sắc, điều đó được thể hiện như sự chênh lệch về mức độ sống, trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, số người Mường là công nhân viên chức nhà nước ngày càng tăng.

Hiện nay, người Mường không sống tập trung ở các làng, bản dưới thung lũng như trước đây, họ đã bắt đầu di chuyển ra ở ven các đường quốc lộ để thuận tiện cho việc giao lưu thông thương, buôn bán, từ những tác động trên chúng ta thấy ảnh hưởng không nhỏ đến đạo đức, lối sống, ý thức của dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay.

Trước đây các phong tục ma chay, cưới hỏi các thủ tục hết sức cầu kì và rườm rà, ngày nay các thủ tục rườm rà đã bị loại bỏ thay vào đó là theo nếp sống văn hóa mới.

Với quan niệm hủ tục của người Mường, mỗi khi gia đình có người bị bệnh họ thường mới thầy cúng về lễ, ngày nay thì những hủ tục này đã bị loại bỏ, có thể thấy công tác dân vận đã đi sâu vào quần chúng làm cho người dân thấy được những yếu tố tiêu cực của những hủ tục cần phải loại bỏ, hiện nay với sự đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất kĩ thuật cho đồng bào các dân tộc, đội ngũ y, bác sĩ đã xuống tận tuyến cơ sở để thăm, khám và chữa bệnh cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

Đời sống của người Mường đã có những thay đổi, ngày nay khi đến các xã của người Mường chúng ta không còn thấy những trang phục truyền thống nữa mà thay vào đó là những trang phục hiện đại, mặc giống người Kinh.

Các lễ hội truyền thống cũng bị mai một đi, do phương thức sản xuất phát triển, không còn lệ thuộc vào tự nhiên như trước đây, với chính sách phát triển nông nghiệp đổi mới cây trồng vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, do đó sản xuất nông nghiệp đã thay đổi.

Sự biến động còn thể hiện đó là các trò chơi dân gian truyền thống đang bị phai nhạt, thay vào đó là các trò chơi như đá bóng, bóng chuyền..., trong những ngày đầu năm hoặc trong các lễ hội của bản làng, những áng Mo, sử thi, ca dao, tục ngữ không còn sức thu hút những thế hệ người trẻ hiện nay nữa, chúng bị thay bằng những chương trình giải trí đặc sắc khác.

Trong quan hệ xã hội của người Mường cũng có những biến đổi sâu sắc, trước đây trong xã hội Mường các gia đình sống tập trung từ 3 – 4 thế hệ trong một mái nhà, nhưng ngày nay thì điều đó không còn nữa các gia đình thường cho con cái ra ở riêng khi chúng lập gia đình, và những người có công việc ổn định cũng muốn tách ra sống riêng để tự lập.

Trước những biến động về đạo đức, lối sống, ý thức của một phận người dân tộc Mường ở Hòa bình hiện nay, công tác bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống đang là điều cấp thiết hơn bao giờ hết, văn hóa và kinh tế là hai phương diện khác nhau của đời sống xã hội, nhưng giữa chúng lại có mối quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau, trước những vấn đề này chúng ta cần phải có những biện pháp cụ thể rõ ràng để phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc Mường trong thời đại ngày nay.

**Những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay.*

+ Mâu thuẫn giữa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường với khả năng, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ ngành văn hóa.

Bản sắc văn hóa dân tộc Mường được thể hiện rõ nhất qua ngôn ngữ, trang phục, nhà ở, đặc biệt là các lễ hội và văn hóa nghệ thuật dân gian, để mà giữ gìn, phát huy hay xóa bỏ những yếu tố lạc hậu, hủ tục trong văn hóa Mường đó

là điều không dễ thực hiện được, bởi vì, cần có sự sàng lọc kỹ lưỡng những giá trị văn hóa đích thực, thống kê cụ thể, để làm tốt được công việc này cần đến sự nỗ lực của các cơ quan liên quan trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường.

Trên thực tế của tỉnh Hòa Bình đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa từ tỉnh đến huyện, xã đều là người Kinh, cho nên việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa còn hạn chế, vì vậy cần chủ động đào tạo nguồn cán bộ cơ sở chính là người Mường, họ chính là chủ nhân của nền văn hóa đó, họ sẽ có cái nhìn thấu đáo và sáng suốt hơn về dân tộc mình.

Việc thực hiện bảo tồn, khôi phục những giá trị truyền thống của dân tộc Mường phải dựa vào người dân địa phương, cho nên tiến độ chậm và không chính xác, nhiều giá trị văn hóa truyền thống bị mai một và mất dần, các hình thức hoạt động văn hóa dựng lên cho có hình thức, tổ chức thì hời hợt, các chương trình thì chưa phản ánh được toàn diện, sâu sắc chính sách của Đảng và nhà nước về văn hóa, công tác bảo tồn văn hóa truyền thống.

+ Mâu thuẫn giữa yêu cầu không ngừng nâng cao ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường với khả năng, điều kiện hạn chế của dân tộc Mường trong việc đáp ứng yêu cầu đó.

Hiện nay tỉnh Hòa Bình đã có nhiều chương trình đề án cụ thể để nhằm bảo tồn và giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường. Trong những năm qua, Sở Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch tỉnh Hòa Bình đã có nhiều chính sách quan tâm đến công tác bảo tồn, bảo tàng và phục hồi các giá trị văn hóa dân gian. Tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tiến hành nhiều cuộc hội thảo khoa học có giá trị lịch sử và thực tiễn. Tỉnh Hòa Bình đang hoàn thiện 02 bộ hồ sơ di sản phi vật thể *Mo Mường* và *Chiêng Mường*, tổ chức các cuộc trưng bày với chủ đề “*Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam – những bằng chứng lịch sử*” hay chủ đề “*Di sản văn hóa tỉnh Hòa Bình*”. Tỉnh Hòa Bình đã thu được nhiều thành tựu đáng khích lệ, đã tác động mạnh mẽ, sâu rộng tới ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Mường, từng bước ngăn chặn những giá trị văn hóa đang bị phôi pha. Cũng như các dân tộc anh em khác, đại bộ phận dân tộc Mường cũng ý thức được sự mai một bản sắc văn hóa

dân tộc mình, vì vậy, họ muốn bản sắc văn hóa dân tộc Mường được giữ gìn và phát huy trong điều kiện hiện nay.

Song song với đó thì một loạt các mâu thuẫn nảy sinh trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay.

Nét đặc trưng trong văn hóa dân tộc Mường là nếp nhà sàn, nhưng việc giữ gìn được nếp nhà sàn cổ truyền thống là một điều hết sức khó khăn, do thiếu nguồn kinh phí hỗ trợ của nhà nước. Mặc dù kinh tế của đồng bào dân tộc Mường đã được nâng lên rất nhiều so với những năm trước đây, nhà sàn cổ truyền thống của người Mường trước đây vật liệu chủ yếu là gỗ, với một lượng gỗ nhỏ chặt từ trong rừng thì không thể đáp ứng được cho việc xây dựng. Ngày nay do nạn du canh, du cư của đồng bào dân tộc thiểu số đã dẫn đến diện tích rừng tự nhiên bị thu hẹp lại, đó là một trong những nguyên nhân, ngoài ra chi phí xây dựng một ngôi nhà sàn truyền thống hết sức tốn kém. Cho nên người Mường đã cải biến ngôi nhà sàn truyền thống cho phù hợp với điều kiện, với vật liệu là gạch, xi măng, tấm lợp proximang. Trong ngôi nhà sàn của người Mường đã hiện diện những vật dụng hiện đại phục vụ cho sinh hoạt.

Trong phong tục tập quán như tang ma, cưới hỏi của người Mường cũng đã thay đổi nhiều, và ngày nay khi mà thực hiện quy chế nếp sống văn minh trong cưới hỏi, tang ma, lễ hội, hưởng ứng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, bây giờ tổ chức tang ma diễn ra nhanh gọn, không rườm rà. Nếu xét về phương diện kinh tế thì người dân đỡ tốn kém về công, về của. Trong đám cưới của người Mường tục thách cưới cao cũng không còn, đám cưới diễn ra gọn nhẹ hơn, không còn tảo hôn ở các bản làng.

Trước đây trong sản xuất nông nghiệp của người Mường chủ yếu dựa vào tự nhiên, cho nên các lễ hội như xuống đồng, cơm mới..., được tổ chức thường xuyên để cầu mong một vụ mùa tốt tươi, dân bản được ấm no. Ngày nay, khi sự phát triển của nông nghiệp, việc chuyển đổi trong sản xuất nông nghiệp, mở rộng diện tích, đưa giống mới vào trong nông nghiệp, nhờ đó sản xuất nông nghiệp bước đầu có bước chuyển mới, sự phát triển này cũng kéo theo đó là các lễ hội truyền thống không tổ chức thường xuyên nữa, hiện nay những người trẻ không biết nhiều về các lễ hội truyền thống của dân tộc mình.

2.3. Phương hướng và những giải pháp cơ bản đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình

2.3.1. Phương hướng giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay

** Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường cần gắn liền với phát triển toàn diện kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng ở Hòa Bình hiện nay.*

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số nói chung, dân tộc nói riêng cần gắn liền với kế hoạch phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng là một yêu cầu khách quan trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội bởi các yếu tố kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội – an ninh quốc phòng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, là tiền đề thúc đẩy của nhau.

Các giá trị văn hóa cần thể hiện rõ hơn vai trò tích cực và khả năng tác động mạnh vào các lĩnh vực của đời sống. Từng bước hình thành những nét mới, những chuẩn mực văn hóa và nhân cách con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cần nâng cao nhận thức của cán bộ đảng viên về xây dựng đạo đức, lối sống nhân văn, việc giữ gìn và lưu truyền những giá trị văn hóa truyền thống, thuần phong, mỹ tục, cần được phát triển, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh.

Cần đẩy mạnh các hoạt động thông tin đối ngoại, tăng cường quảng bá hình ảnh, giới thiệu, cung cấp thông tin về các di tích, địa chỉ danh thắng trên các phương tiện thông tin đại chúng, để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Quần chúng nhân dân, nhận thức về văn hóa đầy đủ, sâu sắc hơn, từ đó tích cực tham gia giữ gìn và phát huy nét đẹp truyền thống, mỗi công dân sống và làm việc có trách nhiệm hơn, tình nghĩa hơn, đoàn kết, giúp đỡ nhau, vươn lên phát triển kinh tế, tạo tình cảm gắn bó trong gia đình và cộng đồng.

Các cấp ủy Đảng, lãnh đạo chính quyền cùng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cần thường xuyên, tuyên truyền vận động, bằng nhiều hình thức, biện pháp để vừa giữ gìn được cốt lõi văn hóa truyền thống, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được quan tâm phát triển, bảo vệ và từng

bước phát huy tốt giá trị di tích, danh lam thắng cảnh trong địa bàn, kết hợp tốt công tác bảo vệ và khai thác giá trị văn hóa – du lịch và tín ngưỡng.

Hàng năm cần tổ chức các buổi biểu diễn và tuyên truyền, thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương, xuất bản nhiều cuốn sách phục vụ công tác tuyên truyền và phát hành đến từng cơ sở văn hóa của địa phương; triển khai thêm các đề tài nghiên cứu phục vụ công tác bảo tồn.

Từ việc thực hiện tốt chương trình hành động, thực hiện Nghị quyết Trung ương 5(khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” cần làm cho văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, động lực gắn liền với phát triển toàn diện kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với không ngừng nâng cao văn hóa.

** Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường, gắn liền với việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới ở Hòa Bình hiện nay.*

Chúng ta đang trong thời kì hội nhập và phát triển. Đây là cơ hội cho chúng ta tiếp nhận những tinh hoa văn hóa, văn hóa nhân loại, những phẩm chất hiện đại bổ khuyết cho những gì mà chúng ta đang còn thiếu.

Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành một nghị quyết quan trọng - Nghị quyết số 33 – NQ/TW, ngày 09/06/2014, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đây được xem là một trong những cơ sở lý luận và thực tiễn để chúng ta xây dựng một hệ giá trị cho phép con người Việt Nam vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Nói về văn hóa cũng là nói về con người, vì văn hóa là của con người, do con người và vì con người, bên cạnh đó, vẫn còn thực tế không ít cán bộ, quản lý sai lệch, coi văn hóa như là những công việc, những hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, không tập trung cho mục tiêu trọng tâm, cốt lõi là xây dựng con người.

Đất nước ta đang bước vào thời kì mở cửa và hội nhập sâu rộng với thế giới, đây là cơ hội cho chúng ta tiếp nhận những tinh hoa văn hóa, phẩm chất hiện đại để

bổ khuyết cho những gì còn thiếu, sự tiếp nhận ấy phải hết sức chân thật, cầu thị, trên tinh thần gạn đục khơi trong.

Để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở tỉnh Hòa Bình cần phải gắn về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, và xây dựng con người mới ở Hòa Bình theo ba đức tính đã được nghị quyết trung ương 9 khóa XI xác định:

+ Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách.

+ Mục đích của các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học là hướng vào xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân – thiện – mỹ, bồi dưỡng, nâng cao tri thức, năng lực cảm thụ, thẩm mỹ cho con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, hội nhập quốc tế.

+ Xây dựng và phát huy lối sống tốt đẹp, có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, nhân rộng các giá trị nhân văn, đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, các hành vi tiêu cực ảnh hưởng đến xây dựng nền văn hóa, xây dựng con người.

**Bảo đảm thống nhất giữa truyền thống và hiện đại trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình hiện nay.*

Trong quá trình phát triển của các cộng đồng dân tộc Việt Nam, văn hóa truyền thống dân tộc đang đứng trước sự giao thoa, giữa nhiều dòng chảy văn hóa khác nhau trên khắp mọi nơi trên thế giới, mặc dù lịch sử nước ta cũng trải qua những thăng trầm, biến cố, đứng trước nguy cơ bị đồng hóa, nhưng chúng ta vẫn đứng vững, biết kế thừa chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời kết hợp hài hòa thống nhất giữa truyền thống và hiện đại.

Văn hóa dân tộc Mường là một bộ phận quan trọng của văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường là góp phần vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa chung của các cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Sự thống nhất giữa truyền thống và hiện đại trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở tỉnh Hòa Bình, yếu tố hiện đại bắt nguồn từ truyền thống, lấy truyền thống làm nền tảng vững chắc để kế thừa và phát triển văn hóa của tỉnh Hòa Bình được thể hiện:

Trước hết đó là lòng yêu nước, tự hào trước những truyền thống tốt đẹp của dân tộc của cả nước nói chung và tỉnh Hòa Bình nói riêng. Được bắt nguồn từ truyền thống, bắt nguồn từ lịch sử Bà Trưng, Bà Triệu..., rồi đến thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp – Mỹ, biểu hiện truyền thống được thể hiện khác nhau qua mỗi thời kì.

Sự thống nhất giữa truyền thống và hiện đại trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường, đó là lòng yêu nước của người Mường được nâng lên trong thời đại mới, được phát huy trong việc chung sức, đoàn kết trong việc xây dựng quê hương, ngày càng giàu đẹp, góp phần xây dựng đất nước.

Bên cạnh đó người Mường với bản tính cần cù, chịu thương, chịu khó, vươn lên trong mọi hoàn cảnh, trong đời sống, sản xuất kinh tế người Mường kế thừa từ thế hệ trước những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, trước đây sản xuất nông nghiệp chủ yếu dựa vào tự nhiên, phụ thuộc tự nhiên, nhưng ngày nay với chính sách phát triển trong nông nghiệp, đưa các loại giống cây trồng vật nuôi cho năng suất cao, đem lại hiệu quả kinh tế.

Yếu tố truyền thống và hiện đại phải được kết hợp một cách hài hòa, để tạo được một chỉnh thể văn hóa thống nhất, tiến bộ và phù hợp mà không đánh mất đi bản sắc của nó, chúng ta cũng cần tránh những yếu tố lẩn quẩn và mâu thuẫn, giữa truyền thống và hiện đại, trong văn hóa chúng ta cần phải xác định rõ đó là yếu tố văn hóa nào cần loại bỏ, yếu tố nào cần giữ gìn và phát huy.

Chính vì thế, phát triển văn hóa trong thời đại mới chúng ta cần dựa trên nền tảng của sự thống nhất giữa truyền thống và hiện đại, và hai yếu tố này luôn được củng cố và bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của sự phát triển.

2.3.2. Giải pháp cơ bản đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình.

- Chú trọng đến công tác xây dựng các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc và bản sắc dân tộc.

“Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội [20, tr.48]. Để làm được điều đó, một trong những yêu cầu đặt ra, đó là chú trọng đến công tác xây dựng các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy các

giá trị văn hóa dân tộc và bản sắc dân tộc, vì vậy, việc xác định và phát huy vai trò của pháp luật trong giữ gìn và phát triển văn hóa có ý nghĩa quan trọng, trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết 33 NQ/TW ngày 09 – 06 – 2014 đã được Hội nghị Trung ương 9 khóa XI thông qua.

Vai trò của chính sách pháp luật, trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc và bản sắc dân tộc chính là thông qua các đường lối, chính sách, pháp luật, chủ trương của Đảng về văn hóa được nghiêm túc thực hiện trong toàn xã hội.

Bên cạnh đó pháp luật xác định là cơ sở, pháp lý cho các chủ thể tham gia giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa và chống lại những hành vi, vi phạm pháp luật, nhằm thực hiện tốt mục tiêu xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Để khắc phục những hạn chế này, hiện nay chúng ta cần phải xây dựng một thể chế, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc và bản sắc dân tộc, phát triển các giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Hòa Bình, trong đó có dân tộc Mường.

Trong những năm qua Đảng và nhà nước ta đã xây dựng nhiều cơ chế, chính sách, tạo cơ sở pháp lý, để phát huy tốt các nguồn lực của toàn xã hội cho công tác, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, hiện nay tỉnh Hòa Bình đã tiến hành bổ sung và hoàn thiện hơn nữa các chính sách để phát triển văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số và đồng bào dân tộc Mường.

Tỉnh Hòa Bình cần xây dựng thêm những văn bản luật, những thiết chế để nhằm thực hiện tốt công tác giữ gìn và phát huy những tài sản văn hóa truyền thống ở các làng, bản cho phù hợp. Giáo dục pháp luật đến từng cơ sở văn hóa trong địa bàn tỉnh, tiến hành tuyên truyền, phổ biến pháp luật về văn hóa trên các phương tiện thông tin, truyền thanh của tỉnh, huyện, xã, làng, bản để cho người dân thấy được tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tiếp đến tuyên truyền phổ biến những điều luật, những quy chế, chế tài của pháp luật về hình phạt đối với các tội: xâm phạm, đánh cắp phá hoại các di sản văn hóa.

Tăng cường công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, danh lam thắng cảnh trong tỉnh và các giá trị truyền thống của các dân tộc trong tỉnh Hòa

Bình, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế, gắn kết bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch.

Tỉnh Hòa Bình cần làm tốt công tác văn hóa ở vùng tái định cư, nơi đây cuộc sống của đồng bào dân tộc còn hết sức khó khăn, khó khăn về mọi mặt, cho nên công tác nghiên cứu, đưa ra các biện pháp hữu hiệu nhằm giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống đang bị mai một, vì dọc lòng hồ Hòa Bình có nhiều di chỉ khảo cổ học cần phải bảo vệ đây là những minh chứng cho một nền văn hóa Hòa Bình.

- Cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động làm cho dân hiểu và tự giác thực hiện việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc mình. Gắn phát triển du lịch với việc giữ gìn, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc và đặc thù văn hóa địa phương.

Đây là một trong những giải pháp cần thiết và hết sức quan trọng ở tỉnh Hòa Bình, sự chỉ đạo thường xuyên, liên tục mở các cuộc vận động, bằng nhiều hình thức, nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong công tác giữ gìn, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc Mường nói riêng.

Trong công tác tuyên truyền văn hóa, giáo dục cho người Mường thấy được ý nghĩa của việc giữ gìn các giá trị văn hóa tốt đẹp của chính dân tộc mình, cần thấy được vai trò của những già làng, trưởng bản, đây là những người còn nắm và lưu giữ được những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc Mường đây là lớp người có vai trò không thể thay thế trong việc thực hiện tuyên truyền về giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường.

Tuyên truyền và phổ biến, giáo dục văn hóa truyền thống cho học sinh, sinh viên trong địa bàn tỉnh, đây là đối tượng nhạy cảm nhất với mọi sự biến đổi trong họ hai yếu tố truyền thống và hiện đại luôn có sự đan xen, bằng nhiều hình thức, trong nhà trường cần phải đưa các trò chơi dân gian, hay những truyện dân gian, ca dao, tục ngữ được lồng ghép vào những buổi sinh hoạt ngoại khóa, trong các trường chuyên nghiệp trong tỉnh cần tổ chức cho sinh viên các buổi tọa đàm về văn hóa dân tộc Mường, hay những cuộc thi viết tìm hiểu về lịch sử và văn hóa của tỉnh..., còn tại các địa phương, đoàn thanh niên, hội phụ nữ tuyên truyền phổ biến

cho các hội viên thấy được vai trò công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường tại chính cơ sở.

Trên trang báo chính của tỉnh nên có chuyên mục riêng về di sản văn hóa, ở đó ưu tiên giới thiệu phổ cập những giá trị văn hóa Mường và văn hóa các dân tộc trong tỉnh, duy trì những lớp huấn luyện ngắn ngày về nghệ thuật công chiêng như tỉnh đã và đang làm, nghề truyền thống dệt thổ cẩm (cạp váy Mường) và một số lĩnh vực khác.

Cần đẩy mạnh và thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phát triển các hoạt động văn hóa của nhân dân, để mọi giới, mọi lứa tuổi đều tham gia sáng tạo, biểu diễn, sinh hoạt, thưởng thức các hoạt động văn hóa, trong đó nội dung bảo tồn, giữ gìn và kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc.

Sử dụng và phát huy mạnh mẽ các phương tiện truyền thông đại chúng, thể chế hóa công tác tuyên truyền các quan điểm, đường lối chính sách của Đảng bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể từng bước đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa hiện nay, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, chú trọng nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa của nông thôn, văn minh đô thị, văn hóa trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp của tỉnh.

Trong thời gian qua, Sở Văn Hóa Thể Thao Du Lịch tỉnh Hòa Bình, đã có nhiều văn bản pháp quy liên quan đến quản lý văn hóa và khai thác tài nguyên du lịch gắn với việc giữ gìn, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc và đặc thù văn hóa của từng địa phương.

Đẩy mạnh mô hình sinh hoạt văn hóa là điều không kém phần quan trọng: Lễ hội công chiêng, Hát xéc bùa, Hát ví..., tổ chức tốt hoạt động này vừa giữ gìn và phát huy được bản sắc văn hóa tại địa phương vừa trở thành điểm du lịch hút khách, hàng năm lên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các món ăn truyền thống của người Mường, nhằm nâng cao trình độ nấu ăn, khôi phục các món ăn truyền thống, phục vụ du lịch.

Khôi phục và phục dựng những nhà sàn cổ, xây dựng các bảo tàng để giữ gìn các giá trị văn hóa Mường cổ, để cho khách du lịch, và người dân thấy được những

hiện vật cổ được lưu giữ, có giá trị lịch sử hàng nghìn năm. Nâng cao và phát triển các loại hình du lịch văn hóa tại các bản Mường gắn với du lịch sinh thái, tổ chức các lễ hội truyền thống, xây dựng các bản Mường thành các bản Mường văn hóa, khôi phục các nghề thủ công truyền thống, tích cực quảng bá và phát triển du lịch, các doanh nghiệp tổ chức trưng bày giới thiệu sản phẩm, chương trình hướng dẫn tham quan các làng nghề.

Cần đầu tư và mở rộng các tuyến đường đi vào các khu du lịch, để cho du khách đi xuống tận các làng, bản, trang bị những kiến thức cần thiết cho những hướng dẫn viên du lịch về phong tục, tập quán, nếp sống của người Mường.

Đặc biệt tỉnh Hòa Bình nên chú trọng việc đào tạo, hướng dẫn viên du lịch là người Mường, đây là một trong những yếu tố quan trọng nhằm thu hút khách du lịch và tạo công ăn việc làm cho người Mường ngay chính tại địa phương.

Tóm lại, du lịch sẽ góp phần củng cố ý thức, giữ gìn bản sắc văn hóa, tạo đà cho việc phát triển du lịch theo chiều sâu, tận dụng được nguồn nhân lực tại chỗ, người dân địa phương chính là người hiểu về phong tục tập quán, nếp sống của dân tộc mình hơn bao giờ hết.

- Đổi mới chính sách đối với cán bộ làm công tác văn hóa, tạo động lực cho việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, cần có sự tham gia vào cuộc của các cơ quan liên ngành, đoàn thể và tham mưu của các cấp ủy Đảng trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong bất cứ thời kì nào thì vai trò của cán bộ làm công tác văn hóa và cán bộ làm công tác quản lý văn hóa là những người làm công tác giữ gìn và phát huy tốt văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trong đó có dân tộc Mường. Công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của Mường ở Hòa Bình, việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa và làm công tác chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu công tác là một đòi hỏi cấp bách hiện nay.

Do đó, tỉnh Hòa Bình cần phải có những chính sách quan tâm, thích đáng đến đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa và cán bộ quản lý văn hóa, các nghệ sĩ, người đang thôi hồn giữ gìn, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Mường.

Trong quyết định xây dựng và phát triển văn hóa – xã hội tại địa phương, các cấp lãnh đạo tại tỉnh Hòa Bình cần nhận thức rõ việc phát triển nguồn nhân lực cán

bộ, cán bộ làm văn hóa trong giai đoạn mới, trong thời đại kinh tế và thông tin nhiều chiều của xã hội hiện đại, đây là một trong những khâu đột phá để đảm bảo sự ổn định chính trị, kinh tế tăng trưởng, ổn định văn hóa phát triển, môi trường tự nhiên và xã hội bền vững, đây là cơ sở để thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra của Đảng và nhà nước.

Trong công tác định hướng, tỉnh Hòa Bình cần có khảo sát, phân tích, đánh giá về đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, các công chức cơ sở văn hóa huyện một cách khoa học và thực tiễn, trước khi qui hoạch, lập các đề án, hoặc chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực này.

Quá trình qui hoạch và phát triển cán bộ quản lý văn hóa, chất lượng cần chú ý tới khâu dự báo qui mô phát triển, nhu cầu thực tiễn trong quản lý văn hóa trong lĩnh vực văn hóa – xã hội, trong các tầm nhìn trung và dài hạn, theo một lộ trình nhất định.

Việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cần chú ý, tăng tỷ lệ cán bộ, công chức trong ngành văn hóa là phụ nữ, người dân tộc Mường để phù hợp với mục tiêu thiên niên kỷ và các xã thuộc vùng tái định cư.

Trong giải pháp về chính sách và công cụ khuyến khích, thúc đẩy phát triển nhân lực, cần phải thực hiện đồng bộ giữa đào tạo, bồi dưỡng với đổi mới tuyển dụng, đánh giá, sử dụng và sử dụng chính sách thu hút, động viên người giỏi, đúng chuyên môn, tạo những cơ chế đột phá trong bố trí và sử dụng, nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo cơ bản, triển khai tốt chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Xây dựng kế hoạch, đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nhận thức năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ làm công tác văn hóa dân tộc, có chính sách, cơ chế phát huy những người có uy tín, nghệ nhân, thế hệ trẻ của các dân tộc thiểu số trong việc bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống.

Có cơ chế, chính sách ưu đãi cho công tác văn hóa văn nghệ cơ sở, biên chế chính thức cho cán bộ văn hóa xã, phường. Cũng như nhiều địa phương khác trong cả nước, hiện nay, tỉnh Hòa Bình đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa, tiến trình này tất yếu kéo theo đô thị hóa ngày càng sâu rộng với tất cả những mặt tích cực và tiêu cực của nó, nhiều luồng văn hóa mới đang xâm nhập, các giá trị văn hóa truyền thống đang bị biến dạng, thậm chí biến mất khỏi đời sống

cộng đồng, đa dạng văn hóa đang bị đe dọa, văn hóa Mường qua mấy ngàn năm lịch sử, song giờ đây nhiều trăm tích cũng đang có nguy cơ bị bào mòn bởi làn sóng đô thị diễn ra quá nhanh, quá ồ ạt.

Bởi thế, vấn đề “giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường” xây dựng đời sống văn hóa mới, trong các cộng đồng dân tộc tỉnh Hòa Bình nói chung và cộng đồng dân tộc Mường nói riêng, luôn được các cấp lãnh đạo trong tỉnh đặc biệt quan tâm.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương khóa VIII của Đảng về “xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”, và các quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới hỏi, tang ma, lễ hội, qui chế tổ chức lễ hội Đảng bộ, chính quyền nhân dân tỉnh Hòa Bình, cần chú trọng đến công tác chỉ đạo, quản lý việc tổ chức lễ hội trong địa bàn tỉnh trên tinh thần đó là: những yếu tố tiên tiến, mang nét đẹp bản sắc dân tộc thì lưu giữ, bảo tồn và phát huy, những yếu tố nào đã trở lên lỗi thời, lạc hậu, đặc biệt là hủ tục thì cần loại bỏ.

Bên cạnh đó, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân và các ngành chức năng, tham mưu luôn quán triệt tinh thần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quá trình tổ chức các lễ hội của tỉnh, đặc biệt nghiêm cấm các hành vi mê tín, dị đoan, bói toán, rút thẻ, lên đồng, đốt đồ mã tại các địa điểm tổ chức lễ hội.

Để tăng cường công tác quản lý, tổ chức lễ hội, từng bước xây dựng đời sống văn hóa và nếp sống văn minh cho nhân dân trong tỉnh, ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành “qui định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới hỏi, tang ma và lễ hội trên địa bàn tỉnh Hòa Bình” và tiến hành triển khai sâu rộng hơn nữa xuống cơ sở.

Ngoài ra, ủy ban nhân dân tỉnh cần có chủ trương phân cấp trực tiếp cho chính quyền địa phương nơi diễn ra lễ hội, thực hiện việc giám sát và quản lý để kịp thời nắm bắt và xử lý tình huống.

- Phát triển kinh tế, nâng cao dân trí phù hợp với đặc điểm của đồng bào dân tộc.

Việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc Mường ở Hòa Bình, là một quá trình lâu dài, sự phát triển không chỉ phụ thuộc vào yếu tố chủ quan, mà

nó còn phụ thuộc vào sự phát triển của kinh tế vào điều kiện cụ thể của từng địa phương.

Tỉnh Hòa Bình vẫn là một trong những tỉnh nghèo của cả nước, kinh tế ở đây còn chậm phát triển so với các địa phương cho nên dẫn đến trình độ dân trí ở đây cũng còn những hạn chế so với cả nước, có thể thấy địa phương còn những thiếu thốn về hạ tầng, cơ cấu kinh tế chưa hợp lý còn nhiều bất cập, về tổ chức quản lý hiệu quả còn thấp, điều này tác động không nhỏ đến giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trong đó có dân tộc Mường.

Là một tỉnh miền núi, mọi thứ còn nhiều khó khăn, cho nên công tác xóa đói giảm nghèo vẫn luôn được quan tâm để nâng tầm về chất lượng, đi sâu vào cuộc sống, cho nên trong thời gian qua công tác xóa đói giảm nghèo, trên địa bàn tỉnh không chỉ thực hiện có hiệu quả ở các xã có điều kiện kinh tế thuận lợi mà hiện nay các xã vùng cao, sâu, đặc biệt khó khăn cũng được cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm để người dân có cuộc sống ấm no hơn.

Để công tác xóa đói, giảm nghèo được triển khai sâu rộng, thiết thực, tỉnh ủy Hòa Bình đã có nghị quyết số 04 – NQ/TU về công tác xóa đói, giảm nghèo, lao động việc làm, đào tạo, dạy nghề, xuất khẩu lao động, tạo cho đồng bào các dân tộc từng bước chuyển, để thực hiện tốt nghị quyết trên, tỉnh cần chú trọng giải quyết nhiều vấn đề khác nhau, trong đó chú trọng nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

Xây dựng cơ sở hạ tầng, điện, đường, trường, trạm, vùng các đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, đầu tư phát triển sản xuất, đầu tư vốn, giống, cây trồng, hỗ trợ kỹ thuật, chính sách bao tiêu sản phẩm, tiếp tục thực hiện có hiệu quả nguồn vốn chương trình 135 (giai đoạn 2014 – 2020), vốn của chính phủ về chính sách hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt, nhà ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo ở các thôn bản đặc biệt khó khăn, hỗ trợ hoạt động sự nghiệp văn hóa.

Nâng cao đời sống dân trí cho người dân, và tuyên truyền, phổ biến để cho người dân thấy được những tác hại của những hủ tục, lạc hậu trong văn hóa, từng bước chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nhằm nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cần coi đây là một trong những

khâu đột phá quan trọng nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nâng cao dân trí, không chỉ dừng lại ở trình độ học vấn mà còn là phổ biến kiến thức phổ thông về khoa học kỹ thuật, về pháp luật, về dân số và kế hoạch hóa gia đình, về ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

Cần quan tâm hơn nữa về mọi mặt, để các con em trong diện chính sách, người dân tộc thiểu số, gia đình nghèo được học tập, thực hiện tốt chương trình xã hội hóa giáo dục, mở nhiều loại hình đào tạo, cử học sinh đi học dự bị, cử tuyển dân tộc, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, về chuyên môn lẫn nghiệp vụ.

Thực hiện phổ cập tin học xuống tận các cơ sở, mà cần ưu tiên con em các dân tộc thiểu số, vùng sâu, xa để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi trong giai đoạn mới, tạo điều kiện để cho các em tiếp cận khoa học công nghệ để từng bước giúp các em nâng cao trình độ hiểu biết, theo kịp xu thế chung của thời đại.

KẾT LUẬN

Văn hóa là một khái niệm mang nội hàm rộng, với nhiều cách hiểu khác nhau, mỗi nền văn hóa là một sản phẩm của quá trình lao động, sáng tạo của cộng đồng dân tộc trong lịch sử, thể hiện mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh.

Bản sắc văn hóa là một cơ sở để khẳng định sự tồn tại của một dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa là một cách thức cơ bản, để các dân tộc không tự đánh mất mình, cho nên việc nghiên cứu văn hóa, nghiên cứu đời sống văn hóa của các dân tộc là tìm hiểu và nghiên cứu những sáng tạo, những bản sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc trong lịch sử xã hội, để từ đó chúng ta tìm ra những nét đặc sắc, đặc trưng, tinh túy, trong hệ thống những giá trị truyền thống văn hóa, để tôn vinh, phát huy, không ngừng phục vụ tốt hơn cho cuộc sống, đặc biệt là các thế hệ trẻ hiện nay.

Vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở tỉnh Hòa Bình trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, đòi hỏi nhiều giải pháp tích cực, liên quan đến đời sống văn hóa của nhân dân và của dân tộc, trong đó, vai trò của nhân dân, đặc biệt là thế hệ người Mường những người đã và đang tiếp nối những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

Dân tộc Mường ở Hòa Bình với một nền văn hóa phong phú, đặc sắc, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc lại càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Bên cạnh những yếu tố văn hóa tích cực thì chúng ta cũng lên loại bỏ những yếu tố văn hóa được cho là hủ tục, lạc hậu, gây cản trở cho sự phát triển dân tộc, cần bảo vệ những giá trị văn hóa đang bị ảnh hưởng, tác động của nền kinh tế thị trường trước khi giá trị văn hóa đó phai nhạt.

Để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường ở Hòa Bình, chúng ta cần chú trọng đến những giải pháp nhằm phát triển kinh tế, chính trị, xã hội; đẩy mạnh công tác giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, làm tốt công tác đổi mới chính sách đối với cán bộ làm quản lý văn hóa tại cơ sở. Các giải pháp này không chỉ mang ý nghĩa phương pháp luận mà còn mang ý nghĩa thực tiễn trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc độc đáo của người Mường ở Hòa Bình hiện nay.

Để thực hiện tốt các giải pháp này, cần có sự tham mưu của các cấp ủy – chính quyền của tỉnh Hòa Bình trong chính sách về kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng, phù hợp với những điều kiện cụ thể của từng địa phương, hướng dẫn động viên nhân dân, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, để người dân tự giác bảo vệ, giữ gìn và phát huy những bản sắc văn hóa dân tộc tốt đẹp, từ đó nâng cao ý thức của người Mường về vấn đề giữ gìn và phát huy những nét văn hóa độc đáo của dân tộc mình, tiến tới xây dựng một nền văn hóa Việt Nam, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2001), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội. tr.13.
2. Vương Anh (2003), *Tiếp cận với văn hóa bản Mường*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Quách Văn Ach (2007), *Tổng quan về xã hội Mường thời Trung cổ*, Báo Hòa Bình, số 2571, ngày 21 tháng 10 năm 2007.
4. Hoàng Chí Bảo (2010), *Văn hóa và con người Việt Nam trong đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Hoàng Hữu Bình (Chủ biên) (2009), “*Văn hóa dân tộc Mường huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình*”, Nxb
6. Nguyễn Đức Bình (Chủ biên) (2005), *Một số vấn đề về công tác lý luận tư tưởng và văn hóa*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Huy Cận (1994), *Suy nghĩ về bản sắc văn hóa dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.48.
8. Nguyễn Đức Từ Chi (1996), *Người Mường ở Hòa Bình*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, tr.3,4.
9. Nguyễn Đức Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.565,570.
10. Phạm Văn Chín (Chủ biên) (1997), *Chủ nghĩa Mác – Lênin và một số vấn đề lý luận, thực tiễn ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội. Tr.257
11. Cục Thống kê Tỉnh Hòa Bình (2009), *Niên giám thống kê năm 2009*, Nxb Thống kê, tr.6.
12. Cục Thống kê Tỉnh Hòa Bình (2013), *Niên giám thống kê năm 2013*, Nxb Thống kê.
13. Cục Thống kê Tỉnh Hòa Bình, *Niên giám thống kê năm 2014*, Nxb thống kê, tr.4
14. Phan Hữu Dật (1999), *Một số vấn đề dân tộc học Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.225.
15. Vũ Thị Kim Dung (1998), *Cách tiếp cận vấn đề văn hóa theo quan điểm triết học Mác*, Tạp chí *Triết học*, số 1/1998.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 5, khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.56.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội
20. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.76.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Nguyễn Khoa Điềm (2002), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Phạm Duy Đức (Chủ biên) (2009), *Phát triển văn hoá Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020. Những vấn đề phương pháp luận*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Phạm Duy Đức (Chủ biên) (2010), *Phát triển văn hoá Việt Nam trong thời kỳ đổi mới hiện nay*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Phạm Thanh Hà (2011), *Giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.37.
26. GS. Phạm Minh Hạc và Nguyễn Khoa Điềm (Đồng chủ biên) (2003), *Về phát triển văn hóa và xây dựng con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
27. Dương Phú Hiệp (Chủ biên) (2012), *Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu văn hóa và con người Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.247.
28. Dương Phú Hiệp (Chủ biên) (2010), *Tác động của toàn cầu hóa và con người Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
29. Dương Phú Hiệp (Chủ biên) (2010). *Nghiên cứu văn hoá và con người Việt Nam hiện nay*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội,.
30. Nguyễn Văn Huyền (2006), *Văn hóa – Mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Lê Thị Kim Hưng, “Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình Công Nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Thái Nguyên hiện nay”, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội.

32. Hoàng Thị Hương, *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình phát triển kinh tế thời kỳ hội nhập quốc tế*. T/c Cộng sản online tapchicongsan.org.vn, ngày 22/9/2010.
33. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.164.
35. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
37. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Thanh Lê (2005), *Hành trang văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Ngô Văn Lệ (2004), *Tộc người và văn hóa tộc người*, Nxb Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, tr.314.
40. Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Diệu (1998), *Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Giáo dục, tr.40.
41. V.I.Lênin (1976), *Bàn về văn hóa văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội.
42. Nguyễn Thị Thanh Nga (Chủ biên) (2007), *Văn hóa truyền thống một số tộc người ở Hòa Bình*, tr.8.
43. Phan Ngọc (1994), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*. Nxb Văn hóa thông tin, tr.13.
44. Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb văn học, Hà Nội, tr.18.
45. Hồ Sĩ Quý (1992), *Về văn hóa văn minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.32.
46. Quyết Định Ban hành kế hoạch thực hiện chương trình hành động số 27-CTr/TU của tỉnh ủy Hòa Bình về việc thực hiện nghị quyết số 33- NQ/TW, ngày 09/06/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.
47. Quyết định về việc kiện toàn Ban chỉ đạo phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” tỉnh Hòa Bình năm 2014.
48. Sở Văn hoá Thông tin Thể thao và Du lịch Tỉnh Hoà Bình (2013), *Báo cáo công tác văn hoá thông tin năm 2013*, tr.3,7,15,10,12.
49. Sở Văn hoá Thông tin Thể thao và Du lịch Tỉnh Hoà Bình (2014), *Báo cáo công tác văn hoá thông tin năm 2014*, tr.6.

50. Sở Văn hoá Thông tin Thể thao và Du lịch Tỉnh Hoà Bình (2015), *Báo cáo công tác văn hoá thông tin năm 2015*, tr.4.
51. Sở Văn hoá Thông tin Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình (2016), *Báo cáo công tác văn hóa thông tin 4 tháng đầu năm 2016*, tr.4.
52. Tập thể tác giả (1993), *Văn hóa dân tộc Mường*, Sở Văn hóa Thông tin và Hội văn hóa các dân tộc tỉnh Hòa Bình.
53. Tập thể tác giả (2002), *Văn hóa Hòa Bình thế kỉ XX*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
54. Hồ Bá Thâm (2003), *Bản sắc văn hóa dân tộc*, Nxb Văn hóa Thông tin.
55. Trần Ngọc Thêm (1995), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Trường ĐH Tổng hợp, TP Hồ Chí Minh, tr.20.
56. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.25.
57. Trần Ngọc Thêm (2014), *Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng*, Nxb văn hóa – văn nghệ TP. HCM, tr.184,185.
58. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2010), *Bảo tồn làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Ngô Đức Thịnh (2010), *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, tr.29.
60. Đặng Hữu Toàn, *Vai trò của văn hóa trong sự phát triển lâu bền theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Tạp chí Triết học, số 2/1999.
61. Hoàng Trinh (2010), *Bản sắc dân tộc và hiện đại hóa trong văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Từ điển Triết học (1996), Nxb Sự thật.
63. Từ điển Tiếng Việt (2010), Nxb Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, Hà Nội – Đà Nẵng.
64. Hoàng Vinh (1996), *Một số vấn đề lý luận văn hóa thời kì đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.13.
65. Hồ Sĩ Vịnh, “*Văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới*” Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
66. Hồ Sĩ Vịnh (2009), *Về bản lĩnh văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học, tr.289.
67. Trần Quốc Vượng (Chủ biên), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, (2008), Nxb Giáo dục.